

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**HOÀNG NGHĨA HẢI**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI  
QUẢN LÝ CÔNG TY TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN  
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ**

Hà Nội, năm 2018

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**HOÀNG NGHĨA HẢI**

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI  
QUẢN LÝ CÔNG TY TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN  
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8.38.01.07

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**PGS.TS BÙI NGUYỄN KHÁNH**

Hà Nội, năm 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Bùi Nguyên Khánh.

Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong Luận văn này chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định và được ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận văn này.

**Tác giả luận văn**

**Hoàng Nghĩa Hải**

## LỜI CẢM ƠN

Sau thời gian học tập và rèn luyện tại Học viện khoa học xã hội, bằng sự biết ơn và kính trọng, em xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo đã nhiệt tình hướng dẫn, giảng dạy và tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu vừa qua.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tạo điều kiện và cung cấp tài liệu, số liệu cần thiết trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới thầy PGS.TS Bùi Nguyên Khánh – Phó Giám đốc Học viện khoa học xã hội, người thầy đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ em trong quá trình thực hiện đề tài.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình bạn bè người thân những người luôn ủng hộ, động viên hỗ trợ và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho em trong suốt quá trình học tập tại trường, nghiên cứu để hoàn thành đề tài này.

Tuy nhiên điều kiện về năng lực bản thân còn hạn chế, nhận thức của em còn hạn hẹp về lý luận cũng như thực tiễn, chuyên đề nghiên cứu khoa học chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự góp ý, bổ sung của thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, tháng 8 năm 2018*

*Học viên*

**Hoàng Nghĩa Hải**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ luật Tố tụng dân sự	BLTTDS
Công ty cổ phần	CTCP
Đại hội đồng cổ đông	ĐHĐCĐ
Hội đồng quản trị	HĐQT
Luật Doanh nghiệp	LDN
Luật Trọng tài thương mại	LTTTM
Tòa án nhân dân	TAND

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY</b> .....	8
1.1. Khái quát chung về công ty cổ phần, cổ đông và người quản lý công ty .....	8
1.2. Khái quát về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty .....	16
1.3. Khái quát về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty .....	19
1.4. Kinh nghiệm giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty của một số nước .....	25
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b> .....	30
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty .....	30
2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội và ví dụ cụ thể .....	41
<b>Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b> .....	55
3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Toà án nhân dân ở Việt Nam hiện nay ...	55
3.2 Giải pháp hoàn thiện về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Toà án nhân dân ở Việt Nam hiện nay .....	58
<b>KẾT LUẬN</b> .....	68
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	69

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

CTCP là một trong các loại hình doanh nghiệp đang phát triển và ngày càng phổ biến ở nước ta hiện nay. Nhà nước đã ban hành một số văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý và điều hành của loại hình doanh nghiệp này, trong đó văn bản cơ bản nhất là Luật doanh nghiệp mới được chính thức áp dụng từ năm 2015 đến nay nên còn nhiều điểm cần bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn phát triển mạnh mẽ của loại hình doanh nghiệp này. Bởi vì, so với các loại hình doanh nghiệp khác thì công ty cổ phần thường có nhiều ưu thế trong việc huy động tiền nhàn rỗi công chúng; linh hoạt, năng động trong quản lý, điều hành; và là loại hình doanh nghiệp chuyển đổi của các doanh nghiệp nhà nước theo theo chủ trương của Chính phủ.

Tuy nhiên thực tiễn, công tác quản lý và điều hành công ty cổ phần ở nước ta đã và đang có nhiều vướng mắc về pháp lý tạo nên các vụ tranh chấp xuất phát chính từ sự không am hiểu luật pháp hoặc lợi dụng sự chưa hoàn thiện của pháp luật để trục lợi. Trong các tranh chấp này, vấn đề quyền và nghĩa vụ của từng chức danh quản lý trong công ty cổ phần, pháp luật và Điều lệ công ty đều có những quy định cụ thể nhưng đôi khi không được tôn trọng, bên cạnh đó các quy định của luật pháp và Điều lệ công ty vẫn còn những kẽ hở hoặc không bao quát hết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nên việc xảy ra tranh chấp và phát sinh kiện tụng là điều không tránh khỏi.

Tranh chấp kinh doanh, thương mại nói chung và tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng là một hiện tượng tất yếu không thể tránh khỏi của nền kinh tế thị trường. Pháp luật điều chỉnh các tranh chấp này đang dần được hoàn thiện do đây là loại tranh chấp mới và phức tạp hơn so với các quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại khác. Trong thực tiễn, tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty rất đa dạng từ quản lý, điều hành, hoạt động, sát nhập ... của doanh nghiệp, tuy nhiên việc áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp này còn nhiều bất cập, vướng mắc.

Ở Việt Nam hiện nay, có hai hình thức tài phán quan trọng đó là Tòa án và Trọng tài. Tòa án có vị trí trung tâm trong các cơ quan tư pháp. Nghị quyết 49-

NQ/TW ngày 2-6-2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã khẳng định “Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp ký, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện làm việc; trong đó xác định Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm”. Trọng tài cũng là cơ quan tài phán nhưng mang tính chất của một tổ chức xã hội nghề nghiệp và thường được sử dụng trong các tranh chấp thương mại quốc tế. Ở Việt Nam khi phát sinh tranh chấp các bên thường lựa chọn phương thức giải quyết là Tòa án như một giải pháp cuối cùng để bảo vệ có hiệu quả nhất các quyền và lợi ích của mình khi thất bại trong việc sử dụng cơ chế thương lượng, hoà giải. Chính vì vậy, Tòa án có vai trò vô cùng quan trọng. Hơn nữa, Tòa án là một thiết chế của Nhà nước; hoạt động của Tòa án là một hoạt động rất đặc biệt và mang tính kỹ năng nghề nghiệp cao; vì lẽ đó, hoạt động xét xử của Tòa án phải đảm bảo công minh, nhanh chóng, chính xác và kịp thời tránh tình trạng tồn đọng án, giải quyết án kéo dài, dễ gây phiền hà, mệt mỏi cho các bên đương sự. Tuy nhiên việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án mặc dù về thủ tục và hoạt động đã được quy định rõ nhưng trong thực tiễn, việc chấp hành còn nhiều hạn chế và gặp khó khăn.

Việc tìm hiểu nguyên nhân cũng như phương thức giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty bằng Tòa án theo pháp luật Việt Nam, từ đó có những sự đánh giá dựa trên thực tiễn giải quyết tranh chấp để đưa ra những giải pháp tối ưu hạn chế tranh chấp, tìm ra các tồn tại bất cập và chưa đầy đủ trong các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho công ty cổ phần phát triển ổn định là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra.

Vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu đề tài: ***“Giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội”*** là hết sức cần thiết.

## **2. Tình hình nghiên cứu của đề tài**

Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty là một dạng của tranh chấp nội bộ Công ty thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại. Các nhà nghiên cứu cũng như các cá nhân, tổ chức hoạt động trong thực tiễn đã có nhiều công trình



nghiên cứu đề cập đến tranh chấp kinh doanh thương mại hoặc tranh chấp nội bộ Công ty nói chung. Tiêu biểu như: Luận văn thạc sĩ Luật học năm 2005 “*Thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh của Tòa án – những điểm mới và các vấn đề đặt ra cho thực tiễn thi hành*” của tác giả Bùi Nguyễn Phương Lê; Luận văn thạc sĩ Luật học năm 2006 “*Thẩm quyền giải quyết các vụ việc về kinh doanh, thương mại của Tòa án Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hiếu; Luận văn thạc sĩ Luật học năm 2006 “*Giải quyết tranh chấp công ty theo thủ tục tư pháp – những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Nguyễn Thị Vân Anh; Luận văn thạc sĩ Luật học năm 2010 “*Tranh chấp nội bộ công ty theo pháp luật Doanh nghiệp Việt Nam*” của tác giả Lê Thị Hiền; *Pháp luật giải quyết tranh chấp nội bộ công ty: nhận thức, thực trạng và cải cách* (Ngô Huy Cương, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Viện Nhà nước và Pháp luật, Số 11/2012, tr. 48 – 58). Luận văn thạc sĩ luật học năm 2014 “*Pháp luật về tranh chấp nội bộ Công ty ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Mạnh Sỹ, trường Đại học quốc gia Hà Nội. Luận án tiến sĩ Luật học năm 2016: “*Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát giao dịch giữa Công ty với người có liên quan*” của tác giả Nguyễn Thị Vân Anh, trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn thạc sĩ Luật học năm 2017 “*Thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa công ty với thành viên công ty tại Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội*” của tác giả Nguyễn Văn Chương, trường Đại học Luật Hà Nội. Bài viết “*Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, giữa thành viên với Công ty trong loại hình công ty đối vốn ở Việt Nam hiện nay*” trên tạp chí Nghề Luật số tháng 2/2015, tác giả Trần Trí Trung. Các công trình nghiên cứu nói trên hầu hết tập trung vào việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, tranh chấp nội bộ công ty nói chung chứ chưa tập trung nghiên cứu sâu về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Riêng đối với luận văn thạc sĩ Luật học năm 2008 “*Giải quyết tranh chấp giữa các cổ đông và giữa cổ đông với người quản lý công ty trong công ty cổ phần*” của tác giả Trần Duy Bình, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội thì tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty đã được khái quát một cách tương đối sơ lược

như: đưa ra được khái niệm công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức quản trị của công ty cổ phần, khái niệm tranh chấp nội bộ trong công ty cổ phần (trong đó tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty được xem là một dạng tranh chấp nội bộ), nguyên nhân nói chung của tranh chấp nội bộ. Khái quát về tất cả các phương thức giải quyết tranh chấp bao gồm: thương lượng, hòa giải; trọng tài và Tòa án và đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả của các phương thức này. Các vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật trong công ty cổ phần nói chung và bình luận một số vụ việc tranh chấp nội bộ công ty. Luận văn này chưa có đánh giá chuyên biệt về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty cổ phần và việc giải quyết tranh chấp này bằng phương thức Tòa án cũng như giải pháp để nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp nói trên tại Tòa án.

Vì vậy, đề tài “*Giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty trong công ty cổ phần từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội*” mà học viên lựa chọn mong muốn làm sáng tỏ các vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, nguyên nhân của dạng tranh chấp này, đánh giá các quy định pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, đồng thời thông qua thực tiễn xét xử chỉ ra những điểm vướng mắc bất cập trong pháp luật từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý điều hành CTCP và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài đặt ra mục tiêu là nghiên cứu những vấn đề lý luận về tranh chấp và các phương thức giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp tại Tòa án ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án ở Việt Nam trong thời gian tới.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu nói trên, đề tài đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, nhận dạng các loại tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Thứ hai, nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến phương thức giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty bằng Tòa án, chỉ ra ưu điểm, khuyết điểm.

Thứ ba, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến các phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, thực tiễn áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, nghiên cứu bản án, quyết định của tòa án liên quan đến giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty để đánh giá phân tích thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Thứ năm, đề xuất một số kiến nghị về hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty trong quá trình hoạt động của CTCP, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài về không gian bao gồm các quy định của pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là đã tham gia, ký kết và một số quy định của pháp luật nước ngoài để tham chiếu.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài về thời gian bao gồm các quy định pháp luật hiện hành, các vấn đề thực tiễn đã và đang xảy ra trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu đề tài, luận văn sử dụng phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về quan hệ kinh tế, xây dựng trong cơ chế thị trường nói chung và quan hệ giữa cổ đông với người quản lý

công ty nói riêng làm cơ sở phương pháp luận cho việc tìm hiểu nghiên cứu đánh giá vấn đề theo một quan điểm đúng đắn, biện chứng và khoa học.

Phương pháp tổng hợp, phân tích được sử dụng chủ yếu tại chương một luận án. Qua việc thu thập các tài liệu, so sánh, tổng hợp các quan điểm ý kiến khác nhau về nhận diện tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, học viên bước đầu đưa ra khái niệm và đặc điểm về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu trong chương hai luận văn để phân tích, đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương ba của luận văn được học viên sử dụng phương pháp diễn giải, quy nạp để đưa ra các nguyên tắc, yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Luận văn còn sử dụng một số vụ án trên thực tế phát sinh để phân tích, bình luận dưới góc độ khoa học.

## **6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn**

Với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu như trên, tôi mong rằng luận văn sẽ góp phần tạo ra một góc nhìn sâu sắc, khoa học và thực tiễn về pháp luật giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty và cụ thể tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài có thể là tài liệu tham khảo cho các tác giả, các cơ quan, tổ chức đào tạo và nghiên cứu về pháp luật giải quyết tranh chấp nội bộ công ty nói chung và pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng là những tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan hữu quan, các bên có liên quan trong nghiên cứu để tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp nói chung và pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng. Giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện pháp luật về giải quyết tranh

chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty một cách hợp lý và hiệu quả.

### **7. Kết cấu của Luận văn**

Luận văn về đề tài “*Giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội*”, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

### 1.1. Khái quát chung về công ty cổ phần, cổ đông và người quản lý công ty

#### 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm công ty cổ phần

Công ty cổ phần là một trong những loại hình tổ chức kinh doanh phổ biến hiện nay. Theo Luật Doanh nghiệp 2014 của Việt Nam, CTCP được quy định như sau: công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa; cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp; cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 116 và khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp 2014. CTCP có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Còn theo pháp luật của cộng hòa Pháp, trong bộ luật thương mại, các loại hình công ty được chia làm hai dạng là công ty đối nhân (société de personnes) và công ty đối vốn (société de capitaux). Khái niệm công ty cổ phần được quy định như sau: công ty cổ phần là công ty mà vốn được chia thành các cổ phần và được hình thành giữa các cổ đông, các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm đối với phần vốn mà họ đã góp vào công ty. Số lượng các cổ đông có thể dưới 7 người<sup>1</sup>.

Từ góc độ pháp lý, có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản của công ty cổ phần như sau:

Một là, vốn điều lệ của CTCP được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Đây là đặc trưng rất cơ bản của công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, công ty cổ phần được phát hành các loại chứng khoán ra thị trường để công

---

<sup>1</sup> “Một số vấn đề pháp lý trong quản lý và điều hành công ty cổ phần tại Việt Nam, so sánh với pháp luật Cộng hòa Pháp”, công trình nghiên cứu khoa học Trường đại học Ngoại thương năm 2010, Vũ Thị Phương Liên, Đỗ Thùy Dương, tr.16.

khai huy động vốn trong công chúng. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện dễ dàng thông qua việc bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Hai là, CTCP chỉ chịu trách nhiệm đối với mọi khoản nợ bằng tài sản riêng của công ty. Điều đó có nghĩa là các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty đối với phần vốn họ đã góp vào công ty.

Ba là, số lượng cổ đông phải lớn hơn hoặc bằng ba cổ đông. CTCP có thể có số lượng cổ đông lớn, vì vậy có khả năng huy động vốn rộng rãi trong công chúng để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau.

Bốn là, CTCP là một tổ chức có tư cách pháp nhân độc lập, đây là loại hình công ty có tính tổ chức cao, hoàn thiện về vốn, mang tính xã hội cao. Bản thân công ty là một chủ thể pháp luật, là chủ sở hữu của tài sản công ty, là chủ và con nợ đối với các khoản nợ của công ty. Các cổ đông được quyền chia lợi nhuận và phần tài sản còn lại khi công ty giải thể, quyền mua cổ phần khi công ty phát hành thêm cổ phần.

### ***1.1.2. Khái quát về cổ đông***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 LDN 2014: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần*”.

Để trở thành cổ đông, cá nhân, tổ chức phải có quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp, tức là không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 điều 18 LDN 2014. Tư cách cổ đông được hình thành dựa trên các sự kiện pháp lý khác nhau. Theo pháp luật hiện hành, các sự kiện pháp lý xác lập nên tư cách cổ đông bao gồm:

*Một là, góp vốn:* Góp vốn là sự kiện pháp lý phổ biến nhất để hình thành nên tư cách cổ đông. Góp vốn là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong điều lệ công ty do các cổ đông góp để tạo thành vốn của công ty.

*Hai là, nhận chuyển nhượng cổ phần:* Khi cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần, tổ chức, cá nhân có nhu cầu có thể dùng tài sản của mình để mua

lại một phần hoặc toàn bộ phần cổ phần của thành viên đó. Điều kiện chuyển nhượng cổ phần của mỗi công ty là khác nhau.

*Ba là, thừa kế, tặng, cho cổ phần:* Cổ đông có quyền tặng, cho hoặc để lại cổ phần của mình cho người khác. Tuy nhiên, người hưởng thừa kế hoặc nhận tặng cho cổ phần có thể trở thành cổ đông hay không còn tùy thuộc vào quan hệ huyết thống và điều lệ công ty quy định.

Khi trở thành cổ đông của công ty cổ phần, cá nhân tổ chức sẽ có các quyền bao gồm: các quyền chung như biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông, xem xét, tra cứu, trích lục điều lệ, các biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, tự do chuyển nhượng cổ phần và các quyền riêng thuộc về cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần trở lên như: triệu tập Đại hội đồng cổ đông, cử người vào Hội đồng quản trị, xem xét, tra cứu trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành công ty. Việc quy định các quyền cụ thể của cổ đông là một cách thức để kiểm soát quá trình quản lý, điều hành của những người quản lý công ty từ đó cổ đông có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

### ***1.1.3. Khái quát về người quản lý công ty***

Khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định như sau: “*Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty*”.

Như vậy, người quản lý công ty trong công ty cổ phần bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Ngoài ra, trong công ty cổ phần cũng có thể quy định cụ thể về những người



quản lý khác (ví dụ vị trí như trưởng phòng, phó trưởng phòng, giám đốc chi nhánh...) cũng như quyền và nghĩa vụ của những người này tại Điều lệ của công ty.

Người quản lý công ty có thể đồng thời là cổ đông hoặc không. Do đó, mối quan hệ của người quản lý công ty với cổ đông luôn tiềm ẩn mâu thuẫn, bởi vì lợi ích của hai chủ thể này khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau trong một số trường hợp. Ví dụ, các cổ đông luôn hướng đến công ty hoạt động hiệu quả, có lãi tuy nhiên người quản lý công ty không chịu rủi ro tài chính lớn nếu công ty thua lỗ và không có lợi ích cuối cùng khi công ty có lãi. Xung đột hoàn toàn có thể xảy ra do sự tách bạch giữa quyền sở hữu và quản lý này.

Vì lẽ đó, cần thiết có các chế định quy định trách nhiệm của người quản lý công ty trong quản trị, điều hành công ty như: (i) Nghĩa vụ trung thành của người quản lý công ty đối với công ty và cổ đông; (ii) Không sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; (iii) Không sử dụng tài sản, thông tin mật và cơ hội của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; (iv) Nghĩa vụ không sử dụng cơ hội của công ty; (v) Cạnh tranh với công ty.

*Thứ nhất, về nghĩa vụ trung thành của người quản lý công ty:*

Nghĩa vụ trung thành là một nhóm các nghĩa vụ đề cập đến thái độ ứng xử của người quản lý công ty trong trường hợp có xung đột lợi ích với công ty. Yêu cầu cốt lõi của nghĩa vụ trung thành là người quản lý công ty phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của công ty khi có xung đột lợi ích. Lợi ích tốt nhất của công ty cần được hiểu là lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. Ngày nay, hoạt động kinh doanh của công ty có ảnh hưởng đến nhiều nhóm lợi ích trong xã hội như người lao động, chủ nợ, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cơ quan nhà nước, cộng đồng dân cư, môi trường... Thực tế đã chứng minh, nhiều công ty vì chạy theo lợi nhuận tối đa trước mắt nên đã khai thác môi trường đến kiệt quệ, tránh thuế, trốn thuế, lừa đảo, vi phạm pháp luật... gây ra những thiệt hại lớn mà cộng đồng phải gánh chịu. Vì vậy, người quản lý công ty không chỉ quan tâm đến lợi ích của công ty và cổ đông/thành viên mà còn phải cân bằng lợi ích của công ty với lợi ích của các nhóm lợi ích khác.

Điều đó có nghĩa là người quản lý công ty không thể vì lợi ích tối đa của công ty mà xâm phạm đến lợi ích của các chủ thể khác.

Về mặt truyền thống, xung đột lợi ích được thể hiện ở ba vấn đề chính là: giao dịch có nguy cơ tư lợi; lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng; và cạnh tranh với công ty. Tuy nhiên, ngoài các vấn đề trên, xung đột lợi ích giữa cổ đông với người quản lý công ty còn được thể hiện ở các vấn đề khác như chính sách lương thưởng của người quản lý công ty. Trong bất kỳ trường hợp xung đột lợi ích nào, nghĩa vụ trung thành đòi hỏi người quản lý công ty phải ưu tiên lợi ích của công ty trước theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của công ty.

*Thứ hai, giao dịch có nguy cơ tư lợi giữa người quản lý công ty với công ty:*

Tư lợi là lợi ích riêng của cá nhân, đối lập với lợi ích chung. Giao dịch có nguy cơ tư lợi là một hình thức xung đột lợi ích phổ biến và được pháp luật các nước quy định và kiểm soát chặt chẽ. Ở Việt Nam, Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng ban hành theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng có đề cập đến các giao dịch sau là Giao dịch có nguy cơ tư lợi: các khoản vay hoặc bảo lãnh mà công ty cấp cho người quản lý công ty; hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với người quản lý công ty hoặc những người liên quan của những người này; hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với tổ chức mà người quản lý công ty hoặc người liên quan của người này là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính. Có thể thấy giao dịch có nguy cơ tư lợi có những đặc điểm sau:

*Một là, giao dịch mà công ty là một bên chủ thể trong đó người quản lý công ty có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp. Lợi ích trực tiếp của người quản lý công ty có thể được hiểu là trường hợp mà người quản lý công ty trực tiếp giao dịch với công ty như trực tiếp vay tiền của công ty, trực tiếp bán hàng cho công ty. Lợi ích trực tiếp cũng được hiểu là trường hợp người quản lý công ty có lợi ích phát sinh trực tiếp từ giao dịch đó, như được hưởng hoa hồng, được chia lợi nhuận, được hưởng các đặc quyền, đặc lợi trực tiếp từ giao dịch do một bên có giao dịch với công ty chi trả... Về mặt truyền thống, lợi ích ở đây được hiểu là lợi ích vật chất. Tuy nhiên, trên*

thực tế, lợi ích phi vật chất cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến các quyết định của người quản lý công ty. Do đó, lợi ích của người quản lý công ty cần được hiểu không chỉ là lợi ích vật chất mà còn bao hàm các lợi ích cá nhân khác. Đó là những điều có ích, có lợi cho một đối tượng nào đó trong mối quan hệ với đối tượng ấy. Một mối quan hệ tình cảm đạt được không theo một quy luật tự nhiên mà hình thành từ sự trao đổi với một lợi ích vật chất, một lợi thế phi vật chất mà chính bản thân người quản lý công ty mong muốn đạt được hoặc muốn giành được cho người có liên quan... là những ví dụ điển hình cho những lợi ích phi vật chất.

Lợi ích gián tiếp được hiểu là trường hợp mà công ty xác lập giao dịch với người liên quan của người quản lý công ty. Có hai phương pháp định nghĩa “*người có liên quan*”. Phương pháp thứ nhất gọi là phương pháp liệt kê, những người được coi là người có liên quan của người quản lý công ty sẽ được liệt kê ra và như vậy, những người không được liệt kê không được coi là người có liên quan của người quản lý công ty. Điểm hạn chế của phương pháp liệt kê là có thể sẽ bỏ lọt những người mà rõ ràng “có liên quan” với người quản lý công ty. Phương pháp thứ hai gọi là phương pháp trừ tượng hóa, theo đó đặc điểm của người có liên quan của người quản lý công ty sẽ được đưa ra. Như vậy, người có liên quan của người quản lý công ty sẽ được nhận diện thông qua các đặc điểm này.

Người có liên quan của người quản lý công ty là những người có mối quan hệ gắn bó với người quản lý công ty về mặt kinh tế, hôn nhân, gia đình, huyết thống hoặc khía cạnh khác mà người quản lý công ty với tư cách là một cá nhân bình thường sẽ có xu hướng ưu tiên, hỗ trợ, giúp đỡ hoặc tạo lợi thế cho những người này.

Vì vậy, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của người quản lý công ty cũng được coi là giao dịch có nguy cơ tư lợi. Dựa trên các tiêu chí đã phân tích ở trên, có thể liệt kê một danh sách những người có liên quan của người quản lý công ty bao gồm: (i). Doanh nghiệp mà người quản lý công ty là cổ đông, người góp vốn, thành viên hoặc là người quản lý của doanh nghiệp đó; (ii). Tổ chức khác mà người quản lý công ty là thành viên sáng lập, người góp vốn hoặc là người quản

lý; (iii). Doanh nghiệp hoặc tổ chức có quan hệ khác với người quản lý công ty mà trong hoàn cảnh cụ thể có đủ chứng cứ chứng minh rằng người quản lý công ty sẽ tạo lợi thế cho doanh nghiệp hoặc tổ chức này khi tham gia giao dịch với công ty; (iv). Cá nhân là cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty; (v). Cá nhân khác có mối quan hệ với người quản lý công ty mà trong hoàn cảnh cụ thể có đủ chứng cứ để chứng minh rằng người quản lý công ty sẽ tạo lợi thế cho cá nhân này khi tham gia giao dịch với công ty.

*Hai là*, giao dịch có nguy cơ tư lợi có nguy cơ chuyển dịch lợi ích từ công ty sang chủ thể khác. Thực ra, không phải giao dịch có nguy cơ tư lợi nào cũng làm cho lợi ích bị chuyển dịch từ công ty sang chủ thể khác. Rất nhiều giao dịch có nguy cơ tư lợi nhưng công bằng và bảo đảm lợi ích cho cả hai bên. Chỉ những giao dịch có nguy cơ tư lợi không công bằng với công ty mới được coi là giao dịch làm cho lợi ích được chuyển dịch từ công ty sang chủ thể khác. Vì vậy, giao dịch có nguy cơ tư lợi không nhất thiết phải gây thiệt hại cho công ty, cổ đông công ty hoặc chủ nợ của công ty mà giao dịch có nguy cơ tư lợi chỉ cần dấu hiệu có nguy cơ chuyển dịch lợi ích từ công ty sang chủ thể khác.

Giao dịch có nguy cơ tư lợi không chỉ có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty mà còn cho cả những người có lợi ích liên quan khác như chủ nợ, người lao động, cộng đồng... Nếu các giao dịch có nguy cơ tư lợi trở nên phổ biến thì sẽ gây ra những tác động không nhỏ cho môi trường kinh doanh và nền kinh tế. Vì vậy, cần thiết phải kiểm soát giao dịch có nguy cơ tư lợi.

*Thứ ba, sử dụng tài sản của công ty cho mục đích cá nhân:*

Trong thực tế không thể tránh khỏi việc người quản lý công ty lợi dụng vị trí của mình để sử dụng tài sản của công ty phục vụ cho mục đích riêng. Hành vi này ảnh hưởng đến việc sử dụng tài sản, giá trị tài sản, cũng như quyền sở hữu tài sản của công ty. Vì vậy, pháp luật cần có những cơ chế nhằm kiểm soát việc sử dụng tài sản của công ty. Các công ty có thể quy định cụ thể về nghĩa vụ không lạm dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của cá nhân, tổ chức khác trong

Điều lệ công ty và/hoặc trong các hợp đồng giữa công ty với người quản lý công ty. Trên thực tế, nhiều công ty ở nhiều nước có quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin trong hợp đồng giữa công ty với người quản lý công ty. Và như vậy, nghĩa vụ bảo mật thông tin là nghĩa vụ hợp đồng. Người có hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin sẽ bị áp dụng các chế tài hợp đồng. Chế tài mà các công ty ưa chuộng là chế tài phi vật chất (ở các nước thuộc hệ thống thông luật gọi là chế tài công bình) như buộc chấm dứt hành vi vi phạm, buộc thực hiện các công việc nhất định hoặc hủy bỏ hợp đồng. Khoản 2 Điều 304 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Khi bên có nghĩa vụ không được thực hiện một công việc mà lại thực hiện công việc đó thì bên có quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ phải chấm dứt việc thực hiện, khôi phục lại tình trạng ban đầu và bồi thường thiệt hại”.

*Thứ tư, nghĩa vụ không sử dụng cơ hội của công ty:*

Người quản lý công ty cũng không được sử dụng cơ hội kinh doanh của công ty (cơ hội của công ty) vì lợi ích của riêng mình hoặc lợi ích của người khác.

Trong thực tiễn kinh doanh, vẫn có hiện tượng các công ty mong muốn mở rộng phạm vi kinh doanh. Vì vậy, họ sẵn sàng đầu tư nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác để tìm kiếm hoặc có được cơ hội mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Vì lẽ đó, nếu người quản lý công ty sử dụng nguồn lực của công ty để tìm kiếm và có được cơ hội thì đó được coi là cơ hội của công ty. Ngoài ra, nhiệm vụ của người quản lý công ty là không ngừng mở rộng các mối quan hệ cho công ty, nhân danh công ty tìm kiếm những cơ hội để công ty không ngừng phát triển. Vì vậy, những cơ hội mà một cá nhân tìm kiếm được hoặc có được với tư cách là người quản lý công ty cũng được coi là cơ hội của công ty.

Công ty có khả năng nắm bắt được cơ hội. Tiêu chí thứ nhất được coi là điều kiện cần thì tiêu chí thứ hai là điều kiện đủ. Theo đó, công ty phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực tài chính để nắm bắt và thực hiện cơ hội. Năng lực pháp luật được hiểu là công ty có quyền nắm bắt và thực hiện cơ hội. Năng lực tài chính đòi hỏi công ty phải có đủ khả năng tài chính để nắm bắt và thực hiện cơ hội. Do vậy, dù thuộc trường hợp công ty mong muốn hoặc cần có một cơ hội nhất định nhưng

không đủ khả năng nắm bắt và thực hiện được nó thì cơ hội này không được coi là cơ hội của công ty. Ngoài ra, nếu công ty từ bỏ một cơ hội thì cơ hội này không còn là cơ hội của công ty nữa.

*Thứ năm, cạnh tranh với công ty:*

Cạnh tranh với công ty là tình trạng người quản lý công ty lại là chủ sở hữu, cổ đông, thành viên hoặc người quản lý của một chủ thể kinh doanh khác cạnh tranh với công ty. Cụ thể hơn, người quản lý công ty trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các quan hệ hợp tác với người khác, hoặc các tổ chức khác thực hiện các hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty. Lĩnh vực kinh doanh trong trường hợp này là lĩnh vực kinh doanh trên thực tế của công ty chứ không phải là lĩnh vực kinh doanh được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

## **1.2. Khái quát về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty**

### ***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty***

Theo Từ điển tiếng Việt, tranh chấp là việc giành nhau một cách giằng co, không rõ thuộc về bên nào. Cũng có thể hiểu tranh chấp là sự đấu tranh giằng co khi có ý kiến bất đồng, thường là trong vấn đề quyền lợi giữa các bên<sup>2</sup>. Dưới góc độ khoa học pháp lý, có thể hiểu tranh chấp là những mâu thuẫn, bất đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể trong cùng một quan hệ pháp luật nhất định.

Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty được xếp vào những tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án<sup>3</sup>. Tuy nhiên, khái niệm về tranh chấp kinh doanh, thương mại chưa có sự thống nhất về cách dùng.

Dưới góc độ pháp luật nội dung, “tranh chấp kinh doanh thương mại” là những tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế được điều chỉnh bởi pháp luật kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, với khái niệm “tranh chấp kinh doanh thương

---

<sup>2</sup> Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.1204.

<sup>3</sup> Quốc hội (2016), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội, Điều 30.

mai” như vậy khó có thể phân biệt được với các loại tranh chấp về tài sản như tranh chấp dân sự vì nội hàm của nó quá rộng.

Dưới góc độ pháp luật tố tụng hiện hành, tranh chấp kinh doanh thương mại bao gồm những tranh chấp phát sinh trong nội bộ công ty, trong hoạt động kinh doanh, thương mại, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ,... Có thể nói, cách tiếp cận này có phạm vi nội hàm hẹp nên không thể bao quát hết các tranh chấp đã và đang phát sinh trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

Mối quan hệ giữa cổ đông và người quản lý công ty phát sinh từ các mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong quản lý điều hành công ty, mâu thuẫn trong các quyết định của người quản lý công ty hoặc cổ đông cho rằng người quản lý công ty đang không thực hiện đúng trách nhiệm của mình...

Tuy không có khái niệm rõ ràng nhưng theo quy định tại BLTTDS 2015 có thể hiểu: *Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty là tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty liên quan đến việc hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty*<sup>4</sup>.

Như vậy, chủ thể của tranh chấp là cổ đông và người quản lý công ty; đối tượng của tranh chấp là quyền, nghĩa vụ của cổ đông và người quản lý công ty; lĩnh vực phát sinh tranh chấp liên quan đến việc hoạt động, chấm dứt hoạt động của công ty. Theo học viên, tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty không phát sinh trong giai đoạn thành lập, do giai đoạn này người quản lý công ty chưa hình thành và chưa thực hiện hoạt động quản lý điều hành.

Nhưng với quy định “*liên quan đến việc thành lập, hoạt động...*” nội hàm nghĩa rất rộng, gây khó khăn trong việc xác định thẩm quyền giữa án kinh doanh thương mại với các loại án khác. Cụ thể, tranh chấp trong việc chi trả lương cho giám đốc có phải là hoạt động của công ty hay không còn tùy thuộc tranh chấp cụ thể. Có quan điểm cho rằng đây là tranh chấp trong quá trình hoạt động của công ty, vì chi trả lương thuộc hoạt động của công ty, giám đốc là người quản lý công ty nên

---

<sup>4</sup> Quốc hội (2016), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội, Điều 30.

thỏa mãn điều kiện được quy định tại khoản 4 điều 30 BLTTDS 2015. Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng mặc dù việc chi trả lương thuộc hoạt động của công ty nhưng hoạt động này chịu sự điều chỉnh của pháp luật lao động; theo nguyên tắc, khi tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực chuyên ngành nào sẽ áp dụng theo sự điều chỉnh của luật chuyên ngành đó; do đó, tranh chấp trên xác định là tranh chấp lao động.

Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp hiện hành, qui định giới hạn các tranh chấp, chủ thể tranh chấp, cụ thể tại Điều 161 qui định:

“1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật này; b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty”.

Qua quá trình nghiên cứu, tổng hợp theo các phân tích ở trên, có thể cho phép khái quát về khái niệm về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty như sau: **Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty là những mâu thuẫn giữa các cổ đông với những người quản lý công ty phát sinh trong quá trình tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao lại tài sản, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.**

### ***1.2.2. Phân loại tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty***

Việc phân loại nói chung và tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng luôn cần đặt ra vấn đề phải căn cứ theo một tiêu chí hoặc một hệ thống



tiêu chí nào đó. Để phân loại tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, căn cứ theo các tiêu chí như sau: i) tiêu chí chủ thể bị xâm phạm; ii) tiêu chí đối tượng của nghĩa vụ.

Theo tiêu chí chủ thể bị xâm phạm, tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty được phân thành hai loại: i) Tranh chấp vì quyền lợi trực tiếp của cổ đông; và ii) tranh chấp vì lợi ích của công ty. Phân loại theo tiêu chí này có ý nghĩa rất lớn trong việc thiết lập các qui chế pháp lý xác định chủ thể quyền khởi kiện.

Theo tiêu chí đối tượng của nghĩa vụ, tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty được phân thành hai loại: i) Tranh chấp yêu cầu buộc thực hiện công việc; ii) Tranh chấp yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ. Cách phân loại này không những có ý nghĩa trong việc xác định cụ thể chủ thể có quyền khởi kiện mà còn, xác định được tranh chấp có giá ngạch hoặc không giá ngạch.

### **1.3. Khái quát về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty**

#### ***1.3.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty***

Giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty theo nghĩa chung nhất có thể được hiểu là cách thức, phương pháp hay các hoạt động để điều chỉnh các bất đồng, các xung đột trong mối quan hệ giữa cổ đông với người quản lý công ty nhằm khắc phục và loại trừ các tranh chấp đã phát sinh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và các chủ thể khác, bảo vệ trật tự kỷ cương của công ty.

Xuất phát từ quyền tự do kinh doanh, trong đó bao hàm quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, các bên tranh chấp có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp nhất cho mình. Việc lựa chọn phương thức nào thường căn cứ vào một số yêu cầu như: phương thức đó có thể giải quyết nhanh chóng, thuận lợi tranh chấp xảy ra, không làm hạn chế, cản trở các hoạt động kinh doanh không? Việc giải quyết bằng phương thức đó có khôi phục và duy trì các quan hệ hợp tác, tín nhiệm giữa các bên trong kinh doanh không? Giải quyết bằng phương thức đó có giữ được bí mật kinh doanh, giữ được uy tín của các bên

trên thương trường hay không? Đó có phải là phương thức giải quyết kinh tế nhất (ít tốn kém nhất) hay không?

### ***1.3.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty***

#### ***1.3.2.1. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải***

Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự giàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết bên thứ ba. Cũng giống như hòa giải, trọng tài thương mại, thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại không nhân danh quyền lực nhà nước. Thương lượng chủ yếu dựa trên nền tảng ý chí tự định đoạt của các bên tham gia tranh chấp.

Theo Goldberg, Sander & Rogers, hoà giải là quá trình các bên đàm phán với nhau về việc giải quyết tranh chấp với sự trợ giúp của một bên thứ ba độc lập (hoà giải viên)<sup>5</sup>. Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp có sự tham gia của người thứ ba, đóng vai trò trung gian để hỗ trợ hoặc giúp đỡ các bên có tranh chấp tìm kiếm giải pháp nhằm loại trừ hay hạn chế tranh chấp đã phát sinh. Về bản chất, hòa giải khác với thương lượng là có sự tham gia của người thứ ba. Sự tham gia này không có vai trò quyết định trong việc giải quyết tranh chấp mà chỉ là người hỗ trợ, giúp đỡ cho các bên một cách nhanh chóng, dễ dàng tìm ra phương án giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên người trung gian vẫn có vai trò quan trọng, là nhân tố cơ bản để góp phần vào sự thành công của việc hòa giải.

Hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 15/4/2017 quy định về hòa giải thương mại. Nghị định này quy định về phạm vi, nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại. Việc các bên tranh chấp tự hòa giải hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không phải là hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại

---

<sup>5</sup> Goldberg, Sander & Rogers (1992), *Dispute Resolution: Negotiation, Mediation and Other Processes*, Nxb Little Brown, Hoa Kỳ, tr.103.

nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định này làm trung gian hòa giải được thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Tuy nhiên, số lượng vụ việc giải quyết bằng phương thức này hiện nay còn mới, rất ít và chưa được biết đến nhiều. Đối với xung đột giữa cổ đông và người quản lý công ty thường không thể thương lượng, hoà giải được với nhau. Do đó số lượng vụ việc giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty theo phương thức này là không có.

#### 1.3.2.2. Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, trong đó, các bên tham gia thống nhất tranh chấp nếu có sẽ do Trọng tài viên hoặc Hội đồng trọng tài giải quyết, và phán quyết của trọng tài có tính chất bắt buộc thực hiện. Có thể hiểu một cách đơn giản, trọng tài là một biện pháp giải quyết tranh chấp mang tính pháp lý, giống như thủ tục giải quyết tại tòa án, khác biệt với nhóm các biện pháp không mang tính bắt buộc về mặt pháp lý như đàm phán, trung gian, thương lượng và hòa giải. Hoạt động của trọng tài thương mại được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010 (LTTTM 2010).

Ngày nay, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài ngày càng phổ biến, đặc biệt đối với các tranh chấp phát sinh trong thương mại quốc tế. Trọng tài không chỉ phán xử những tranh chấp phát sinh giữa cá nhân với cá nhân, mà thậm chí cả những tranh chấp giữa cá nhân với quốc gia hay quốc gia với quốc gia.

Trong quá trình giải quyết các tranh chấp trọng tài cũng phải tuân theo các trình tự, thủ tục nhất định mà pháp luật quy định và phải được các bên thỏa thuận cụ thể về phương thức giải quyết tranh chấp, điều kiện tiên quyết là các bên tranh chấp phải có thỏa thuận trọng tài.

Đối với tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty thường không thể thương lượng, hoà giải được với nhau. Do đó số lượng vụ việc giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty theo phương thức này là không có.

#### 1.3.2.3. Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án

Toà án là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh

quyền lực nhà nước; được tiến hành theo trình tự, thủ tục chặt chẽ; bản án hay quyết định của Tòa án về vụ tranh chấp nếu không tự nguyện tuân thủ sẽ được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước.

Thực tiễn pháp luật tố tụng cho thấy, tố tụng tòa án có một số đặc điểm cơ bản sau: (i) Tố tụng tại tòa án là thủ tục giải quyết tranh chấp của Tòa án – cơ quan tài phán Nhà nước, hoạt động xét xử của tòa án thực hiện quyền tư pháp mang tính quyền lực Nhà nước; (ii) Phán quyết của tòa án được đảm bảo thi hành; thủ tục giải quyết của Tòa án rất chặt chẽ theo quy trình chung thống nhất; phán quyết của tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có thể được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; (iii) Trong tố tụng tòa án, các phiên tòa xét xử thường được tổ chức công khai, bản án được công bố rộng rãi.

Nếu như việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài mang đặc điểm tạo điều kiện cho các bên thực hiện quyền thỏa thuận hay căn cứ vào ý chí của các bên tham gia để đưa ra phán quyết, thì đặc trưng cơ bản của thủ tục giải quyết tranh chấp bằng tòa án là thông qua hoạt động của bộ máy tư pháp và nhân danh quyền lực Nhà nước để đưa ra phán quyết buộc các bên có nghĩa vụ thi hành. Nhờ đó, việc giải quyết tranh chấp thương mại thông qua Tòa án còn trực tiếp góp phần vào việc nâng cao ý thức, tôn trọng pháp luật cho các chủ thể kinh doanh. Tuy nhiên, thủ tục giải quyết tranh chấp thông qua tòa án thường kéo dài hơn so với giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Hơn nữa, nguyên tắc xét xử công khai tại tòa án không phù hợp với tính chất của hoạt động kinh doanh và tâm lý của giới doanh nghiệp do dẫn đến khả năng thương hiệu sẽ bị ảnh hưởng theo hướng giảm sút, không bảo vệ được bí mật kinh doanh... Ngoài ra, bản án xét xử xong chưa được thi hành ngay mà các bên có quyền kháng cáo khiếu nại nên thời gian kéo dài.

### ***1.3.3. Nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty bằng hình thức Tòa án***

*Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự*

Trong pháp luật tố tụng, quyền tự định đoạt của đương sự biểu hiện ở khả năng khi tham gia tố tụng, các đương sự tự do định đoạt nhằm bảo vệ quyền lợi hợp

pháp của mình. Nguyên tắc này được ghi nhận tại điều 205 BLTTDS 2015, theo đó, các đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, yêu cầu giải quyết vụ việc của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi yêu cầu của mình hoặc thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Quyền định đoạt của đương sự được thể hiện qua nội dung của một số quyền khác như: quyền thay đổi, bổ sung hoặc rút các yêu cầu; quyền hòa giải, thương lượng; quyền đưa ra chứng cứ và chứng minh; quyền kháng cáo.

*Thứ hai, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật*

Các chủ thể khi tham gia quan hệ sản xuất kinh doanh đều được pháp luật thừa nhận quyền bình đẳng. Bình đẳng trong kinh doanh nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức kinh doanh cho đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật. Quyền bình đẳng không chỉ thể hiện khi các bên tham gia vào quan hệ kinh doanh mà còn thể hiện khi họ tham gia vào quan hệ tố tụng tại Tòa án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình tố tụng (Điều 8, BLTTDS 2015).

*Thứ ba, nguyên tắc Tòa án không tiến hành điều tra mà chỉ xác minh thu thập chứng cứ*

Nếu trong tố tụng hình sự, khi có tội phạm xảy ra, việc thu thập chứng cứ thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra hoặc các cơ quan, đơn vị khác có liên quan theo quy định của pháp luật; thì trong tố tụng dân sự nói chung và trong tố tụng kinh doanh thương mại nói riêng, khi cần khởi kiện ra Tòa để giải quyết tranh chấp, các đương sự phải tự mình thu thập và cung cấp chứng cứ, chuyển giao chứng cứ, tài liệu cho Tòa.

Khi giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại, Tòa án chủ yếu chỉ căn cứ vào những chứng cứ mà đương sự đưa ra; Tòa sẽ nghe các bên trình bày và xác

minh chứng cứ; các bên có quyền và nghĩa vụ trình bày những gì mà họ cho là đúng và cần thiết. Nếu các chứng cứ cung cấp chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác, Tòa án sẽ yêu cầu đương sự thu thập thêm chứng cứ hoặc xác minh sự chính xác đó. Tòa án không nhất thiết phải thu thập thêm chứng cứ mà chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ khi thấy cần thiết để là rõ thêm yêu cầu của các bên, bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

*Thứ tư, nguyên tắc hòa giải*

Khi có tranh chấp kinh doanh, thương mại xảy ra, trước hết các bên tự tiến hành hòa giải với nhau. Nếu không tự hòa giải được, các bên mới yêu cầu Tòa án can thiệp. Nhưng khi đã yêu cầu Tòa án can thiệp, các đương sự vẫn có thể tiến hành hòa giải dưới sự hướng dẫn, công nhận của Tòa án. Chỉ khi hòa giải không thành, Tòa án mới đưa vụ việc ra xét xử. Hơn nữa, tại phiên tòa, thẩm phán cũng tạo điều kiện để cho các bên tranh chấp hòa giải được với nhau (điều 10 BLTTDS 2015). Khi hòa giải, Tòa án phải tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình. Ngoài ra, trong BLTTDS 2015 cũng quy định những vụ án dân sự không được hòa giải và những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được (Điều 206, 207 BLTTDS 2015).

*Thứ năm, nguyên tắc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời*

Nguyên tắc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời được thể hiện trong một số quy định của pháp luật. Chẳng hạn, trong tố tụng kinh doanh thương mại quy định thời gian tố tụng ngắn hơn so với các tố tụng dân sự khác; các quy định rút ngắn thời hiệu, thời hạn; trong quá trình giải quyết vụ án, tòa không cần thực hiện việc chứng minh và thu thập chứng cứ; hạn chế việc giao vụ án cho tòa cấp dưới xét xử lại; hạn chế thấp nhất việc quay vòng vụ án để xét xử lại nhiều lần... Việc quy định như vậy nhằm rút ngắn thời gian cho việc giải quyết các tranh chấp, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các chủ thể, phù hợp với tính chất của hoạt động kinh doanh.

*Thứ sáu, nguyên tắc xét xử công khai*

Xét xử công khai là một trong những nguyên tắc dân chủ của hoạt động xét xử. Điều 103, Hiến pháp 2013 có ghi rõ “*Tòa án nhân dân xét xử công khai. Trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuận phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân có thể xét xử kín*”. Trong kinh doanh, thương mại, bí mật kinh doanh có thể là những phát minh, sáng chế... có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các chủ thể. Những bí mật kinh doanh của doanh nghiệp là những điều không thể tiết lộ, không thể chia sẻ cho tất cả các doanh nghiệp khác biết; nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của chính doanh nghiệp, thậm chí là doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, các cá nhân, tổ chức có thể yêu cầu Tòa án xét xử kín để cho các bí mật kinh doanh được đảm bảo.

#### **1.4. Kinh nghiệm giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty của một số nước**

Ở hầu hết các nước trên thế giới, thủ tục tố tụng tòa án áp dụng cho các tranh chấp được dựa trên nền tảng thủ tục tố tụng dân sự cùng với một số quy định đặc thù cho phù hợp với hoạt động kinh doanh, chẳng hạn như: về hội đồng xét xử, về thời gian của các trình tự thủ tục tố tụng... Do vậy, ở các quốc gia này không hình thành luật tố tụng riêng cho các tranh chấp trong kinh doanh mà chỉ có luật về tố tụng dân sự. Ví dụ: Ở Cộng hòa Liên bang Đức, luật tố tụng đối với các vụ án dân sự và thương mại được quy định thống nhất trong Bộ luật Tố tụng dân sự; Ở Pháp, Anh và Mỹ các tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đều được áp dụng theo thủ tục tố tụng dân sự<sup>6</sup>.

Ở Canada năm 1996, một nhóm các luật sư, hòa giải viên đã đề xuất một

---

<sup>6</sup> Phan Thông Anh (2009), “Tranh chấp trong kinh doanh thương mại và các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại”, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tại địa chỉ: [http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/khac1?p\\_p\\_id=EXT\\_ARTICLEVIEW&p\\_p\\_lifecycle=0&p\\_p\\_state=normal&p\\_p\\_col\\_id=column-2&p\\_p\\_col\\_count=1&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_struts\\_action=%2Fext%2Farticleview%2Fview&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_groupId=10217&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_articleId=34155&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_version=1.0&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_i=2&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_curValue=1&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_redirect=%2Fweb%2Fguest%2Fkhac1](http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/khac1?p_p_id=EXT_ARTICLEVIEW&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-2&p_p_col_count=1&_EXT_ARTICLEVIEW_struts_action=%2Fext%2Farticleview%2Fview&_EXT_ARTICLEVIEW_groupId=10217&_EXT_ARTICLEVIEW_articleId=34155&_EXT_ARTICLEVIEW_version=1.0&_EXT_ARTICLEVIEW_i=2&_EXT_ARTICLEVIEW_curValue=1&_EXT_ARTICLEVIEW_redirect=%2Fweb%2Fguest%2Fkhac1) ngày truy cập 30/06/2017.

Nghị định lên Cơ quan Tư Pháp Canada tại Ontario sáng lập tổ chức Hòa giải tranh chấp Canada cấp cao. Nhóm đã thực hiện một dự án thí điểm và miễn phí trong một năm, tập trung hòa giải các vụ tranh chấp thương mại và giúp giải quyết các vụ tồn đọng tại tòa án Ontario. Bộ tư pháp Canada đã ban hành bản báo cáo về kết quả dự án thử nghiệm sau khi tiến hành khảo sát khoảng 3.000 các vụ hòa giải. Kết quả cho thấy, 44% các vụ hòa giải đã thành công trong vòng 7 ngày và hơn một nửa các vụ việc thành công qua chương trình hòa giải bắt buộc. Có thể thấy rằng chương trình Ontario – một chương trình hỗn hợp giữa hòa giải ban đầu với quản lý vụ việc, đã giúp đưa các vụ việc được giải quyết nhanh chóng hơn. Hệ thống tại Canada là hệ thống quản lý từng vụ việc cụ thể mà trong đó phương thức hòa giải được lồng ghép và trở thành một phần không thể tách rời của hệ thống pháp lý. Trước năm 1997, hệ thống tòa án dân sự tại Ontario luôn diễn ra tình trạng tồn đọng vụ việc và trì hoãn và chỉ thực sự phát huy hiệu quả và chức năng sau khi thực hiện chương trình Ontario. Báo cáo cho thấy chi phí của các bên có tranh chấp và luật sư đều giảm đáng kể, trung bình 3.000 Đô-la cho một vụ việc. Các luật sư cũng rất vui mừng vì các vụ việc của họ được giải quyết nhanh hơn, họ được thanh toán phí nhanh chóng hơn, vì vậy có thể đảm nhận nhiều vụ việc hơn. Kết quả là một giải pháp có chi phí thấp mang lại hiệu quả tiết kiệm hơn cho công chúng, luật sư và Chính phủ<sup>7</sup>.

Ở rất nhiều các nước ở Châu Âu và Châu Á như Pháp, Đức, Mỹ, Hồng Kông, Singapore, Malaysia... phương thức này cũng được lựa chọn khá nhiều để giải quyết tranh chấp và phương thức trọng tài ở đây đem lại hiệu quả rất cao. Trọng tài thương mại ở các nước này là tổ chức xã hội nghề nghiệp và được tổ chức dưới hai hình thức: trọng tài thương mại theo vụ việc và trọng tài thường trực. Các bên có quyền lựa chọn hình thức trọng tài đứng ra giải quyết tranh chấp cho mình và rất tôn trọng phán quyết của trọng tài. Trong quá trình giải quyết, trọng tài thương mại không vượt quá giới hạn của hợp đồng. Về cơ bản và chủ yếu, phán quyết của trọng tài thương mại phải căn cứ vào pháp luật, trong trường hợp cụ thể

---

<sup>7</sup> Vũ Ánh Dương (09/01/2009), Phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, Thông tin pháp luật dân sự, tại địa chỉ: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/01/09/2196/>, ngày truy cập 30/06/2017.



và cá biệt, phán quyết của trọng tài thương mại có thể dựa trên sự thỏa hiệp của các bên tranh chấp. Về hình thức, phán quyết trọng tài phải đầy đủ nội dung và thủ tục như một bản án. Trong trường hợp tranh chấp do trọng tài theo vụ việc giải quyết, một bên có quyền kiện ra tòa án tư pháp đề nghị hủy bỏ quyết định của trọng tài nếu phát hiện trọng tài vi phạm thủ tục tố tụng hoặc các yêu cầu khác dẫn đến vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh trọng tài, tổ chức hệ thống giải quyết tranh chấp bằng Tòa án cũng được các bên tranh chấp lựa chọn. Về việc tổ chức tòa án giải quyết tranh chấp trong thương mại, có nước giao thẩm quyền xét xử tranh chấp thương mại cho tòa án thường (như Mỹ, Nhật, Thái lan...); có nước lại tổ chức thành tòa chuyên trách (tòa thương mại). Thông thường các tòa chuyên trách này chỉ xét xử sơ thẩm, nếu có kháng cáo, bản án sơ thẩm sẽ được đưa ra xét xử ở tòa thượng thẩm (phúc thẩm) dân sự như các vụ việc dân sự khác. Chẳng hạn ở Pháp, các tranh chấp thương mại có thể yêu cầu tòa án thương mại giải quyết. Tuy nhiên, tòa án thương mại là một tòa chuyên trách, chỉ xét xử sơ thẩm. Chánh án của tòa thương mại không phải là các thẩm phán chuyên nghiệp mà là những thương gia và được các bên bầu ra thực hiện chức năng của họ và không được trả thù lao, không hưởng lương. Nếu bản án sơ thẩm bị kháng cáo thì vụ án sẽ được đưa ra xét xử ở tòa thượng thẩm dân sự như các vụ việc dân sự. Đối với các vụ án nhỏ thì tòa án thương mại sơ thẩm có quyền xét xử sơ và chung thẩm<sup>8</sup>.

Qua phân tích cho thấy ở hầu hết các nước, tranh chấp thương mại được giải quyết theo hai con đường: giải quyết bằng tòa án hoặc giải quyết bằng trọng tài. Tòa án thương mại (nếu được thành lập như một tòa án chuyên biệt) chỉ có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm đối với các tranh chấp kinh tế và có thủ tục đơn giản, nhanh gọn; đồng thời, đa số các quốc gia hình thức trọng tài kinh tế phi chính phủ là phổ biến.

Ở Việt Nam hiện nay, qua nghiên cứu pháp luật về chế định hoà giải và giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài ở nhiều quốc gia trên thế giới và được sự

---

<sup>8</sup> Nguyễn Mạnh Sỹ (2014), “*Pháp luật về tranh chấp nội bộ công ty ở Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa luật, Hà Nội, tr.26.

đồng ý của Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, lãnh đạo Toà án nhân dân Tối cao nhận thấy chế định “Hoà giải bên cạnh Toà án”, “Hoà giải trước tố tụng tại Toà án” hoặc “Hoà giải tại Toà án” nhưng không nằm trong quy trình tố tụng đang được áp dụng hiệu quả, khắc phục được những hạn chế của quy trình tố tụng tại Toà án và yếu điểm của hoà giải ngoài Toà án khi tiến hành độc lập. Do đó, Toà án nhân dân Tối cao đang xây dựng dự thảo Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án nhằm tăng cường hoà giải, đối thoại, thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia vào hoà giải, đối thoại tại Toà án là hết sức cần thiết trong việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại nói chung và tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng. Do đó cần sớm hoàn thiện, thông qua Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và sớm thành lập các Trung tâm Hoà giải tại Toà án.

## **Kết luận chương 1**

Trong thực tiễn, công tác quản lý và điều hành công ty cổ phần ở nước ta đã và đang có nhiều vướng mắc về pháp lý tạo nên các vụ tranh chấp xuất phát chính từ sự không am hiểu luật pháp hoặc lợi dụng sự chưa hoàn thiện của pháp luật để trục lợi. Trong các tranh chấp này, vấn đề quyền và nghĩa vụ của từng chức danh quản lý trong công ty cổ phần, pháp luật và Điều lệ công ty đều có những quy định cụ thể nhưng đôi khi không được tôn trọng, bên cạnh đó các quy định của luật pháp và Điều lệ công ty vẫn còn những kẽ hở hoặc không bao quát hết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nên việc xảy ra tranh chấp và phát sinh kiện tụng là điều không tránh khỏi.

Trong chương 1, tác giả đã phân tích làm rõ nguồn gốc của những xung đột và mức độ biểu hiện của những xung đột này trong công ty cổ phần. Trên cơ sở đó, tác giả tìm hiểu và đưa ra khái niệm tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, phân loại tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty. Về phương thức giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, tác giả nghiên cứu các phương thức thương lượng, hòa giải, tố tụng tại trọng tài thương mại, tố tụng tại tòa án. Đây sẽ là cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý để đối chiếu, phân tích đánh giá việc áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty của Việt Nam tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và tìm ra giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp này tại Tòa án.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

### 2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty

#### 2.1.1. *Thẩm quyền của Tòa án nhân dân giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty*

Thẩm quyền của tòa án về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty được quy định tại khoản 4 điều 30 BLTTDS 2015: *“Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty; tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty”* và được giải quyết theo thủ tục chung về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

Quy định về những tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án trong BLTTDS 2015 đã có sửa đổi quan trọng so với BLTTDS 2004. Trước đây, Điều 29 BLTTDS 2004, sửa đổi 2011 quy định việc xác định quan hệ tranh chấp nào là tranh chấp kinh doanh thương mại. Theo đó, khi có một trong các loại tranh chấp quy định tại các khoản từ 1 đến 4 của Điều 29 thì tranh chấp đó thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó, quy định tại khoản 4 Điều 29 là quy định mở. Chỉ khi có một văn bản quy phạm pháp luật xác định quan hệ đó là tranh chấp kinh doanh thương mại thì Tòa án vận dụng khoản 4 Điều 29 để thụ lý, giải quyết. Quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 29 BLTTDS 2004 sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế TAND cấp tỉnh, còn khoản 1 sẽ thuộc quy định của TAND cấp huyện.

BLTTDS 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ các tranh chấp về kinh doanh thương mại phù hợp với Luật thương mại, Luật doanh nghiệp..., phân biệt giữa tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự. Tại khoản 5 điều 30 BLTTDS

2015 quy định: “*Các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật*”. Quy định này đã mở rộng thẩm quyền của Tòa Kinh tế so với quy định tại BLTTDS 2004 là chỉ những tranh chấp khác về kinh doanh thương mại mà pháp luật quy định là Tòa án giải quyết. Liên quan đến thẩm quyền theo lãnh thổ, trên thực tế có vướng mắc phát sinh trong việc xác định thẩm quyền đối với tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty như sau: Khi cổ đông khởi kiện người quản lý công ty thì sẽ khởi kiện tại Tòa án nơi người quản lý công ty cư trú hay Tòa án nơi đặt trụ sở vì bị đơn chính là người quản lý công ty, tranh chấp phát sinh liên quan trong quá trình hoạt động của công ty theo điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 do đó cũng cần hướng dẫn cụ thể của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về trường hợp này.

Bên cạnh đó, để xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong các tranh chấp về kinh doanh, thương mại, trước hết tòa án phải xác định tranh chấp phải thuộc thẩm quyền giải quyết của hệ thống tòa án nhân dân hay thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài thương mại. Cơ sở để phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại của tòa án và trọng tài là thỏa thuận trọng tài giữa các bên. Khoản 1 Điều 5 LTTTM 2010 quy định: “*Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp*”. Điều 6 LTTTM 2010 quy định: “*Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được*”. Như vậy, nếu các bên đương sự đã có thỏa thuận trọng tài hợp lệ thì việc giải quyết tranh chấp không thuộc thẩm quyền của tòa án.

Căn cứ để phân định thẩm quyền theo cấp xét xử đối với các tranh chấp về kinh doanh, thương mại phụ là phụ thuộc vào tính chất của tranh chấp và đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần thiết phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự quán của Việt nam hoặc cho tòa án nước ngoài. Theo đó, chỉ những tranh chấp cụ

thể quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 30 BLTTDS 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Đây là những tranh chấp diễn ra phổ biến trên thực tế và tính phức tạp không cao. Tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty đối chiếu theo Điều 30 BLTTDS 2015, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xét xử cấp sơ thẩm.

Căn cứ để phân định thẩm quyền theo lãnh thổ tuân theo nguyên tắc xác định thẩm quyền theo lãnh thổ được quy định tại khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 và thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 điều 40 BLTTDS 2015. Việc xác định này cũng giống như trong các tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình và lao động. Các nguyên tắc cơ bản xác định thẩm quyền theo lãnh thổ bao gồm: (i) Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức; (ii) Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức; (iii) Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản.

Sau khi thụ lý tranh chấp kinh doanh, thương mại, nếu phát hiện việc giải quyết tranh chấp không thuộc thẩm quyền của mình, thì Tòa án đã thụ lý phải ra quyết định chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết, trong đó cần nêu rõ lý do chuyển hồ sơ vụ án, đồng thời phải thông báo ngay cho nguyên đơn biết.

Trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền thì những Tòa án có tranh chấp đó phải báo cáo ngay lên Tòa án cấp trên trực tiếp để Tòa án đó quyết định việc giao cho Tòa án nào giải quyết tranh chấp.

### ***2.1.2. Trình tự giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án***

#### ***Bước 1: Thụ lý vụ án***

Theo quy định tại Điều 190 BLTTDS 2015, Tòa án phải nhận đơn khởi kiện do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua bưu điện và phải ghi vào sổ nhận

đơn. BLTTDS 2015 đã bổ sung phương thức gửi đơn khởi kiện trực tuyến bằng hình thức điện tử qua *Cổng thông tin điện tử* của Tòa án. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây: (i) Thụ lý vụ án nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết; (ii) Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án khác; (iii) Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

### ***Bước 2: Thu thập chứng cứ***

#### ***Một là: Nguồn chứng cứ***

Điều 94 BLTTDS 2015 quy định khá rõ chứng cứ được thu thập từ các nguồn: Tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được, dữ liệu điện tử; vật chứng; lời khai của đương sự; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định; biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ; kết quả định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi pháp lý do người có chức năng lập; văn bản công chứng, chứng thực; các nguồn khác mà pháp luật quy định.

#### ***Hai là: Giao nộp chứng cứ***

Điều 96 BLTTDS 2015 đã quy định: đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án: (i) Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự phải giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan; (ii) Trường hợp tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp chưa bảo đảm đủ cơ sở để giải quyết vụ việc thì Thẩm phán yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Đương sự phải giao nộp, nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập để giải quyết vụ việc dân sự.

#### ***Ba là: Các biện pháp thu thập chứng cứ của Tòa án***

Theo quy định cụ thể của BLTTDS 2015, Tòa án có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp sau đây để thu thập tài liệu, chứng cứ: Lời khai của đương sự, người làm chứng; Đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng; Trưng cầu giám định; Định giá tài sản; Xem xét, thẩm định tại chỗ; Ủy

thác thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ; Yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự; Xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú; Các biện pháp khác theo quy định của Bộ luật này. Khi tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án phải ra quyết định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu của Tòa án. Trường hợp lấy lời khai của đương sự, người làm chứng; đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng thì không phải ra quyết định.

### ***Bước 3: Hòa giải vụ án kinh doanh thương mại***

*Một là: Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*

Để bảo đảm mọi chứng cứ được công khai, các đương sự đều biết các tài liệu, chứng cứ của vụ án để thực hiện quyền tranh tụng, cho nên ngoài việc quy định nghĩa vụ của đương sự khi giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì phải gửi bản sao cho đương sự khác; BLTTDS 2015 còn bổ sung quy định phải tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên để hạn chế việc phát sinh thêm thủ tục không cần thiết, nên đã ghép phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ với phiên hòa giải. Trường hợp vụ án kinh doanh thương mại không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành phiên hòa giải.

*Hai là: Về phiên họp hòa giải*

Theo khoản 3 điều 203 BLTTDS 2015, trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 BLTTDS 2015.

Trong trường hợp hòa giải thành thì hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận thì thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một thẩm phán được chánh án tòa



án phân công ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi Quyết định đó cho các đương sự và viện kiểm sát cùng cấp. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Tòa án ban hành. Đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định này. Trong trường hợp hòa giải không thành, Thẩm phán chủ tọa phiên hòa giải lập biên bản hòa giải không thành và thực hiện các thủ tục tiếp theo để đưa vụ án ra xét xử.

#### ***Bước 4: Chuẩn bị xét xử***

Theo điểm b khoản 1 điều 203 BLTTDS 2015, đối với các vụ án kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 30 BLTTDS 2015 là những vụ án phát sinh từ các quan hệ rất nhạy cảm, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời. Vì vậy, thời hạn chuẩn bị xét xử đối với các vụ án này là 02 tháng kể từ ngày thụ lý vụ án. Đối với các vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì Chánh án tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 01 tháng đối với vụ án kinh doanh, thương mại. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa, trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

#### ***Bước 5: Mở phiên tòa xét xử***

Theo điều 222 BLTTDS 2015, phiên tòa phải được tiến hành đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc trong giấy báo mở lại phiên tòa trong trường hợp phải hoãn phiên tòa. Thành phần tham gia phiên tòa được quy định từ điều 227 đến điều 232 BLTTDS 2015, gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện của đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; người làm chứng; người giám định và người phiên dịch. Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; *nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, không hoãn phiên tòa.*

Trong một số trường hợp được quy định tại BLTTDS 2015 thì có thể hoãn phiên tòa, nhưng thời hạn hoãn phiên tòa không quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.

Thủ tục tiến hành phiên tòa sơ thẩm bao gồm: chuẩn bị khai mạc phiên tòa; thủ tục bắt đầu phiên tòa; thủ tục hỏi tại phiên tòa; thủ tục tranh luận tại phiên tòa; nghị án và tuyên án.

### ***2.1.3. Thực trạng pháp luật doanh nghiệp liên quan đến giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty***

#### ***Thứ nhất, về việc kiểm soát giao dịch tư lợi***

Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã thiết lập cơ chế chấp thuận giao dịch có nguy cơ tư lợi. Mặc dù có nhiều điểm tiến bộ, nhưng đáng tiếc là pháp luật thực định của Việt Nam vẫn còn một số điểm hạn chế:

*Một là*, pháp luật hiện hành mới chỉ đề cập đến giao dịch có nguy cơ tư lợi của thành viên hội đồng quản trị (HDQT), giám đốc/tổng giám đốc và người liên quan của những người này mà chưa đề cập đến giao dịch có nguy cơ tư lợi của những người quản lý khác. Trong thực tiễn, có một số chức danh quản lý có những ảnh hưởng nhất định và họ cũng lạm dụng quyền lực của mình để có được giao dịch có nguy cơ tư lợi. Kế toán trưởng, giám đốc tài chính là những người có thẩm quyền quản lý và giám sát hoạt động tài chính của công ty nên những người này rất dễ dàng trong việc thiết lập các giao dịch có nguy cơ tư lợi, như nhận hoa hồng của công ty khác để công ty này xác lập giao dịch với công ty, chuyển các hợp đồng, giao dịch có nhiều lợi ích (trong đó có phần của người quản lý) cho người liên quan của họ. Giám đốc chi nhánh, giám đốc dự án cũng có thể xác lập giao dịch có nguy cơ tư lợi, vì đây là những người thường được ủy quyền để nhân danh công ty xác lập các hợp đồng, giao dịch. Như vậy, việc bỏ lọt những vị trí quản lý này sẽ dẫn đến tình trạng các giao dịch có nguy cơ tư lợi nhỏ đến vừa trở nên phổ biến trong nhiều công ty và chúng sẽ tích tụ lại, gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty.

*Hai là*, khái niệm “người có liên quan” được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khái niệm “người liên quan” được quy định tại

khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006 vẫn theo phương pháp liệt kê. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, sẽ dẫn đến bỏ lọt giao dịch giữa công ty với người có mối quan hệ với người quản lý công ty mà có đủ chứng cứ để chứng minh người quản lý công ty sẽ tạo lợi thế cho người này trong giao dịch với công ty. Có thể trên thực tế, người quản lý công ty không tạo lợi thế cho người này, nhưng rõ ràng về bản chất, giao dịch vẫn có nguy cơ tư lợi và cần được kiểm soát theo những thủ tục luật định.

*Ba là*, Luật Doanh nghiệp hiện hành lấy tiêu chí giá trị của giao dịch có nguy cơ tư lợi để phân định thẩm quyền giữa HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Như vậy, pháp luật hiện hành chưa tính đến tình huống tất cả hoặc đa số các thành viên HĐQT đều có lợi ích liên quan đến một giao dịch hoặc tất cả hoặc đa số các thành viên HĐQT mặc dù không có lợi ích liên quan đến một giao dịch nhưng có chứng cứ để khẳng định rằng, họ có những mối liên quan nhất định với người có lợi ích liên quan và có nguy cơ dẫn đến sự thỏa hiệp trong việc đưa ra quyết định chấp thuận giao dịch.

#### ***Thứ hai, về việc sử dụng bí mật kinh doanh của công ty***

Do có vai trò quản lý điều hành nên người quản lý công ty thường nắm giữ nhiều thông tin cơ hội của công ty, và đã lợi dụng để trục lợi cá nhân, ví dụ như trong vụ án tranh chấp đấu thầu, bị đơn nguyên là giám đốc và phó giám đốc thường trực của nguyên đơn (Công ty X). Nguyên đơn có một vụ đấu thầu cung cấp dịch vụ vẽ bản đồ địa chính. Bị đơn được cử sang địa phương này làm việc nhưng không thành công. Sau đó thì đàm phán lại được nối lại, khi hợp đồng giữa hai bên sắp được giao kết thì bị đơn xin nghỉ việc. Ngay trước khi được chấp nhận nghỉ việc, bị đơn đã thành lập Công ty Y có ngành nghề kinh doanh giống với ngành nghề của nguyên đơn (Công ty X) và được mời nộp hồ sơ thầu vẽ bản đồ địa chính. Hồ sơ thầu của Công ty Y với tổng giá trị hợp đồng là 2,3 triệu USD bằng với giá mà nguyên đơn đề nghị. Về vụ này, Tòa án nhận định: ... *nghĩa vụ của người thụ thác ít nhất gồm: thành viên Hội đồng quản trị hay người điều hành cao cấp như bị đơn không được tự ý lấy bất kỳ tài sản hoặc lợi thế kinh doanh của công ty dù*

*những thứ này đang thuộc công ty hay công ty đang đàm phán để có được; nhất là khi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành đang nhân danh công ty tham gia vào quá trình đàm phán.*

Pháp luật hiện hành của Việt Nam có quy định cấm người quản lý công ty sử dụng cơ hội kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, các văn bản này vẫn chưa làm rõ trường hợp nào được coi là cơ hội kinh doanh của công ty. Ngoài ra, các biện pháp chế tài được áp dụng trong trường hợp người quản lý công ty sử dụng cơ hội kinh doanh của công ty cũng chưa được các văn bản quy phạm pháp luật dự liệu.

### ***Thứ ba, về việc cạnh tranh với công ty***

Một vấn đề đặt ra là pháp luật có nên cấm người quản lý công ty cạnh tranh với công ty hay đề nghị vấn đề này cho các công ty và người quản lý công ty tự thỏa thuận và pháp luật chỉ công nhận hiệu lực của các thỏa thuận này, đồng thời kèm theo các cơ chế khác nhằm kiểm soát tình trạng cạnh tranh với công ty. Trong thế giới hiện đại, một cá nhân có năng lực quản lý thường có nhiều mối quan hệ, trong đó có nhiều mối quan hệ kinh doanh. Vì vậy, việc pháp luật cấm người quản lý công ty cạnh tranh với công ty sẽ hạn chế sự tham gia kinh doanh của các doanh nhân giỏi. Hơn nữa, việc cấm đoán sẽ trở nên không khả thi khi người quản lý công ty tìm nhiều cách khác để lách luật. Vì vậy, theo học viên nên để các bên tự thỏa thuận và pháp luật công nhận hiệu lực của những thỏa thuận công bằng và hợp lý, đồng thời pháp luật cần có một cơ chế kiểm soát tình trạng cạnh tranh.

### ***Thứ tư, quy định giới hạn tranh chấp, chủ thể tranh chấp***

Như đã nêu tại chương 1, Luật Doanh nghiệp hiện hành, quy định giới hạn các tranh chấp, chủ thể tranh chấp, cụ thể tại Điều 161 quy định:

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật này; b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của

Hội đồng quản trị; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Về nội hàm, tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty không giới hạn điều kiện về cổ đông, không giới hạn về chức danh quản lý. Thế nhưng với qui định này, không phải mọi cổ đông đều có quyền khởi kiện khi có tranh chấp với người quản lý. Mà chỉ có cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% cổ phần mới có quyền khởi kiện. Cơ sở lý luận nào, triết lý nào ẩn sâu trong qui định này, cho đến nay vẫn chưa được làm rõ. Về mặt thực tiễn, qui định này có lẽ được hình thành do nhiều năm liền báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh “Doing Business” do Ngân hàng thế giới thực hiện, trong đó đánh giá tiêu chí bảo vệ cổ đông tại Việt Nam quá thấp. Mặc dù vậy, với qui định này việc các cổ đông cũng khó có thể bảo vệ mình và vấn đề mà Doing Business nêu vẫn chưa được cải thiện. Ví dụ, một cổ đông đang sở hữu 0,1% cổ phần, cổ đông này muốn nhận chuyển nhượng thêm để đạt 1%, hợp đồng mua bán đã được giao kết, thế nhưng người đại diện theo pháp luật cố ý không cập nhật thông tin nhận chuyển nhượng vào sổ đăng ký cổ đông, theo đó cổ đông này không thực hiện được quyền của mình, bởi rào cản tại khoản 7 Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014: *“Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông”*. Với rào cản này, cổ đông này vô cùng khó khăn để bảo vệ mình, đây là hạn chế vô cùng lớn trong qui định trên.

Bật cập tiếp theo, cần phải lý giải tại sao cổ đông chỉ được quyền kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Có quan điểm cho rằng, chỉ những người này mới có ảnh hưởng làm cho công ty không khởi kiện họ khi họ gây thiệt hại hoặc thực hiện/không thực hiện các hành vi thuộc đối tượng

khởi kiện. Các chức danh quản lý khác, nếu gây thiệt hại thì đương nhiên công ty sẽ khởi kiện để yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, thực tế chứng minh có nhiều trường hợp, Kế toán trưởng có mối quan hệ và có ảnh hưởng lớn đối với các chức danh nêu trên, nên khi kế toán trưởng gây thiệt hại, công ty sẽ không kiện. Trường hợp này, nếu không quy định cổ đông được quyền khởi kiện thì công ty khó có thể phát triển, quyền lợi của cổ đông ngày càng bị xâm phạm.

#### ***Thứ năm về quyền cổ đông.***

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông thiểu số và nhóm các cổ đông thiểu số nói riêng trong CTCP chưa thực sự được bảo vệ. Cổ đông và nhóm cổ đông thiểu số bị áp đảo hoàn toàn bởi các cổ đông lớn trong CTCP, khi có mâu thuẫn về lợi ích hay tranh chấp phát sinh thì các cổ đông thiểu số này luôn chịu những bất lợi. Còn đối với cổ đông nói chung và cổ đông thiểu số nói riêng khi phát hiện những sai sót, gian lận trong quá trình điều hành của những người quản lý công ty thì đều có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi nhất để cổ đông thực hiện quyền khởi kiện này của mình, trình tự thủ tục khởi kiện tại Toà án còn nhiều phức tạp, tốn kém thời gian và tiền bạc cho cổ đông.

Các quy định pháp luật về quyền của cổ đông trong CTCP chưa được thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc. Nhiều công ty tiến hành ĐHĐCĐ ở những nơi xa xôi, điều kiện đi lại khó khăn, thủ tục uỷ quyền phức tạp nhằm hạn chế sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt cổ đông thiểu số. Hiện nay, chưa có nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp 2014 về việc bỏ phiếu từ xa đối với các cổ đông. Qua đó có thể thấy, cổ đông nói chung và cổ đông thiểu số nói riêng đang bị hạn chế quyền của mình. Đối với nhiều trường hợp, cổ đông thậm chí còn hoàn toàn bất lực trong việc quản trị CTCP và phải theo mọi quyết định của các cổ đông lớn và người quản lý công ty cổ phần.

#### ***Thứ sáu về hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị.***

Về bầu chọn phiếu thành viên HĐQT, bầu chủ tịch HĐQT: Theo quy định, tùy mô hình của Công ty và các yêu cầu về số lượng thành viên HĐQT cần phải có,

cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử thành viên HĐQT. Việc bầu Chủ tịch HĐQT cũng bị chi phối bởi nhóm cổ đông đa số tại Công ty.

Về quy định cho phép HĐQT có quyền thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại điều lệ công ty theo khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2014 phải được điều chỉnh chặt chẽ hơn. Thực tế nhiều trường hợp, HĐQT vì sự chủ quan trong nhận định của mình, ra các quyết định đầu tư và mở rộng kinh doanh sai lầm, gây thiệt hại cho các cổ đông thiểu số.

### ***Thứ bảy về vấn đề công khai, minh bạch hoá thông tin.***

Việc công khai minh bạch hoá thông tin cũng đặt ra nhu cầu cấp bách, đòi hỏi các nhà lập pháp cần hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến quản trị CTCP. Theo đó, nghĩa vụ công khai, minh bạch hoá thông tin cần phải được các CTCP thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc và có tinh thần trách nhiệm cao. Hiện nay các quy định của pháp luật về công khai hoá thông tin còn mang tính hình thức, sơ sài, chưa có sự tương thích với thông lệ quốc tế. Các quy định của pháp luật cho thấy sự hạn chế nhất định trong cơ chế kiểm tra giám sát thông tin công bố ra ngoài của các CTCP. Điều này đã gây ra nhiều thiệt hại cho thị trường, cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư và cho các bên liên quan.

### **2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội và ví dụ cụ thể.**

Theo số liệu thụ lý và giải quyết các loại án từ năm 2005 đến năm 2017, của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, bằng phương pháp kiểm đếm và thống kê về án tranh chấp nội bộ công ty nói chung cũng như tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng, cụ thể:

**Bảng 1: Số liệu về án tranh chấp trong nội bộ công ty được Tòa Kinh tế  
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết từ năm 2005 – 2017<sup>9</sup>**

Đơn vị: vụ việc

STT	Năm	Tổng số án tranh chấp trong nội bộ công ty được giải quyết	Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty	Tranh chấp giữa công ty và thành viên công ty	Tranh chấp nội bộ công ty còn lại
1.	<b>2005</b>	3	0	1	2
2.	<b>2006</b>	4	0	2	2
3.	<b>2007</b>	5	0	4	1
4.	<b>2008</b>	4	0	2	2
5.	<b>2009</b>	9	0	7	2
6.	<b>2010</b>	4	0	3	1
7.	<b>2011</b>	8	0	7	1
8.	<b>2012</b>	6	0	4	2
9.	<b>2013</b>	3	0	3	0
10.	<b>2014</b>	6	0	3	3
11.	<b>2015</b>	5	1	2	2
12.	<b>2016</b>	1	0	0	1
13.	<b>2017</b>	8	0	7	1
<b>Tổng</b>		<b>66</b>	<b>1 (1.5%)</b>	<b>45 (68.2%)</b>	<b>20 (30.3%)</b>

Qua bảng số liệu ta có thể thấy rằng tranh chấp nội bộ công ty có sự biến động qua các năm, tăng giảm phụ thuộc vào hoạt động kinh tế nói chung. Tuy nhiên tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty trong CTCP thì từ trước đến nay tại Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết duy nhất 01 vụ án. Thực tế kiểm tra kết quả thụ lý và giải quyết 6 tháng đầu năm tại Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thì hiện nay Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân

<sup>9</sup> Theo các bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội các năm từ 2005 đến 2017.



Thành phố Hà Nội cũng chưa nhận được bất kỳ đơn khởi kiện nào liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài. Trong khi tranh chấp về kinh doanh thương mại nói chung có sự gia tăng đáng kể để thấy rằng số lượng vụ án ngày càng tăng thể hiện sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội tăng lên, kéo theo các tranh chấp cũng tăng theo.

Theo thống kê tại Báo cáo tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân Tối cao, năm 2005 có 2.498 vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại cấp sơ thẩm được thụ lý giải quyết trên cả nước trong đó có 1.978 vụ án được giải quyết, chiếm tỷ lệ giải quyết 79,2%<sup>10</sup>. Năm 2010 có 5.890 vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại cấp sơ thẩm được thụ lý giải quyết trên cả nước trong đó có 5.201 vụ án được giải quyết, chiếm tỷ lệ giải quyết 88,3%<sup>11</sup>. Năm 2015 có 6.425 vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại cấp sơ thẩm được thụ lý giải quyết trên cả nước trong đó có 5.686 vụ án được giải quyết, chiếm tỷ lệ giải quyết 88,5%<sup>12</sup>.

Năm 2015, tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có 319 vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại cấp sơ thẩm được thụ lý giải quyết toàn thành phố trong đó có 285 vụ án được giải quyết, chiếm tỷ lệ giải quyết 89,3%. Con số này tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là 422 vụ, giải quyết 335 vụ, chiếm tỷ lệ giải quyết 79,3%. Thống kê này so với tổng số vụ án tranh chấp kinh doanh, thương mại trong cả nước theo thống kê ở trên thì ở các trung tâm kinh tế lớn của nước ta là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, tranh chấp kinh doanh, thương mại chiếm gần 50%.

Đây là con số biểu thị cho mức độ tập trung của tranh chấp tại những địa phương có môi trường kinh tế năng động. Kéo theo đó là sự đa dạng, phức tạp trong các loại hình công ty hoạt động cũng như số lượng công ty tồn tại tại các địa phương đó. Điều này kéo theo tiềm ẩn về tranh chấp nội bộ công ty cũng tập trung ở các địa phương có môi trường kinh tế sôi động, trung tâm kinh tế của vùng miền, địa phương.

---

<sup>10</sup> Tòa án nhân dân tối cao (2006), Báo cáo tổng kết công tác 2005 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2006, Hà Nội.

<sup>11</sup> Tòa án nhân dân tối cao (2011), Báo cáo tổng kết công tác 2010 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2011, Hà Nội.

<sup>12</sup> Tòa án nhân dân tối cao (2016), Báo cáo tổng kết công tác 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016, Hà Nội.

Theo quy định tại pháp luật tố tụng dân sự cũng như Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Tòa Kinh tế được tổ chức ở 02 cấp là Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với Tòa án nhân dân cấp huyện thì theo khoản 1 Điều 44 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì có thể có Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định. Tuy nhiên thực tế cơ cấu tổ chức hiện nay tại Việt Nam thì cấp huyện chưa thành lập Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện. Về cơ cấu số lượng thẩm phán của Tòa Kinh tế nằm trong tổng biên chế chung của Tòa án được Quốc hội phê chuẩn. Tòa kinh tế tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thường đông hơn các tỉnh trong cả nước. Ở mỗi tỉnh thì lượng Thẩm phán ở Tòa kinh tế thường ít và một số tỉnh thì Thẩm phán của các Tòa khác tổ chức xét xử án kinh tế. Lượng án tranh chấp nội bộ công ty, tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý Công ty và tranh chấp kinh doanh thương mại nói chung thì thường tập trung ở các trung tâm kinh tế lớn của cả nước kéo theo sự quá tải của Tòa Kinh tế tại địa phương đó, trong khi ở các tỉnh khác nhu cầu giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại nói chung và nội bộ công ty nói riêng là không nhiều (chỉ riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã chiếm gần 50% số lượng tranh chấp kinh doanh, thương mại của cả nước). Chính vì sự quá tải nên trong thực tế đã có những sự khó khăn nhất định từ phía Tòa án trong vấn đề thụ lý đơn khởi kiện do sợ tồn đọng án, đặc biệt là từ tháng 7 đến tháng 9 vì thời gian này ngành tòa án bắt đầu chốt số liệu để báo cáo tổng kết ngành. Thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội khoá XIV về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì Tòa án còn tiếp tục giảm số lượng Thẩm phán và cán bộ, công chức của toàn ngành.

Giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại tòa án có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những nhược điểm nhất định. Ưu điểm của hình thức giải quyết tranh chấp thông qua tòa án là: do là cơ quan xét xử của Nhà nước nên phán quyết của tòa án có tính cưỡng chế cao; nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế,

do đó khi đã đưa ra Tòa án thì quyền lợi của bên thắng kiện sẽ được đảm bảo được thi hành. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp tính đảm bảo thi hành này khó có thể thực hiện và cơ quan thi hành án cũng chưa có cơ chế để can thiệp vào những vấn đề liên quan đến quyền tham dự họp trong Hội đồng quản trị, quyền được báo cáo tình hình hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn phương thức này cũng có những nhược điểm nhất định vì thủ tục tại tòa án thiếu linh hoạt và tuân theo thủ tục tố tụng tại BLTTDS 2015. Bên cạnh đó, nguyên tắc xét xử công khai của tòa án tuy là nguyên tắc được xem là tiến bộ, mang tính răn đe nhưng đôi khi lại là cản trở đối với doanh nghiệp khi những bí mật kinh doanh bị tiết lộ, đặc biệt là đối với những tranh chấp nội bộ công ty, những vấn đề của công ty có nguy cơ sẽ được phơi bày do sự bức xúc của các bên và nguyên tắc chứng minh chứng cứ. Thời gian tham gia tố tụng từ sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm... đến thi hành án theo thực tế là khá dài.

Tuy vậy, giải quyết tranh chấp bằng tố tụng tòa án vẫn là phương thức mà các đương sự trong tranh chấp lựa chọn nhiều nhất trong tất cả các phương thức giải quyết tranh chấp, một phần vì thói quen văn hóa từ ngàn xưa xem việc tụng đình là nơi giải quyết tranh chấp có quyền uy nhất và đảm bảo được thi hành nhất; một phần vì các hành lang pháp lý cho các cơ chế giải quyết tranh chấp khác chưa được quy định rõ ràng; một phần vì hoạt động trọng tài chỉ tập trung ở các thành phố trực thuộc trung ương, tính đại chúng chưa thực sự cao và “thương hiệu” vẫn chưa thể sánh ngang với tòa án.

Như phân tích về thẩm quyền tại mục 2.2.1 chương này thì thẩm quyền chuyên biệt giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty thuộc Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết (trong đó có Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội). Thực tế về số liệu giải quyết vụ án qua các năm đối với các tranh chấp này thì Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết đối với tranh chấp thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ có duy nhất 01 vụ án về việc cổ đông kiện chủ tịch hội đồng quản trị và giám đốc công ty trong quá trình quản lý và điều hành đối với Công ty. Đối với trường hợp người quản lý công

ty trong công ty cổ phần giữ chức vụ là chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc... Công ty khi thực hiện thẩm quyền với bản chất là công ty nhân danh công ty xâm phạm quyền và lợi ích của cổ đông thì Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cũng chưa thụ lý vụ việc nào liên quan. Theo quy định của BLTTDS 2004 sửa đổi, bổ sung 2011 thì những vụ việc yêu cầu huỷ nghị quyết đại hội đồng cổ đông (do người quản lý công ty là chủ tịch hội đồng quản trị không triệu tập đại hội đồng cổ đông, nghị quyết ban hành vi phạm cả về trình tự, thủ tục...) Tòa án thường xác định là vụ án. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 31 BLTTDS 2014 thì những vụ việc yêu cầu huỷ nghị quyết đại hội đồng cổ đông này đều là việc kinh doanh thương mại (không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài). Thực tế số lượng vụ việc này khởi kiện tại Tòa án của các cổ đông là lớn. Bên cạnh đó, trong phạm vi 6 tháng đầu năm 2018 thì Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cũng chưa nhận được bất kỳ đơn khởi kiện nào liên quan đến tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty này (chỉ có các vụ án và đơn khởi kiện liên quan đến tranh chấp giữa thành viên công ty với người quản lý công ty và người quản lý công ty với bản chất là công ty trong Công ty TNHH nhưng không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài).

Toà kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cũng nhận được đơn khởi kiện của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hà Nam đối với ông Phạm Văn Ảnh (nguyên là tổng giám đốc – Đại diện theo pháp luật của Công ty) khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư gây thiệt hại cho cổ đông về việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xác định đây là tranh chấp về việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự nên không thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Do đó phạm vi của đề tài xin trích dẫn 1 vụ án cụ thể nhưng trên cơ sở tranh chấp tranh chấp thành viên Công ty theo khoản 3 Điều 29 BLTTDS đối với người quản lý công ty như sau <sup>13</sup>:

---

<sup>13</sup> Vụ án tranh chấp giữa cổ đông công ty gồm ông Nguyễn Hữu Ty, bà Mai Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Thanh với ông Nguyễn Huy Chiều và bà Nguyễn Thị Bích Lan tại Công ty cổ phần Hữu Nghị.

Thực hiện chính sách cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước từ tháng 5/1999 Công ty Du lịch Hà Nội đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần Hữu Nghị theo quyết định cổ phần hoá số 2141/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội. Tại đại hội cổ đông lần đầu tiên, bà Mai Thị Khánh là cổ đông của Công ty và được bầu chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc. Sau cổ phần hoá thì vốn điều lệ công ty là 3.3 tỷ đồng (lấy số tròn). Tất cả các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được xét duyệt mua cổ phần và trở thành cổ đông sáng lập. Nhưng sau đó tình trạng chuyển nhượng đã xảy ra, chỉ trong 2 năm 1999 và 2000 đã có 47 trường hợp chuyển nhượng cổ phần trị giá 1.5 tỷ đồng. Trong đó chuyển nhượng cho các cá nhân bên ngoài không phải là thành viên Công ty chiếm phần lớn (1.3 tỷ đồng) và do 11 người nắm giữ.

Bà Mai Thị Khánh thừa nhận chính bà là người trực tiếp giới thiệu người ngoài Công ty vào mua lại cổ phần và trong khi cổ phần hoá doanh nghiệp thì bà có đưa tiền cho một số người để mua cổ phần. Bà Mai Thị Khánh với tư cách hội đồng quản trị đã thay mặt hội đồng quản trị xác nhận việc mua bán trên. Bà Khánh cho rằng những việc làm này là hợp pháp và 39 cổ đông trong Công ty lại cho rằng đó là vi phạm pháp luật. Đầu tháng 7/2000 bà Khánh rời bỏ trụ sở Công ty, không điều hành công việc của Công ty. Sau đó khách sạn Hữu Nghị đóng cửa ngừng kinh doanh. Vào tháng 10/2000 bà Mai Thị Khánh và tháng 2/2011 do một nhóm cổ đông tiến hành triệu tập đại hội đồng cổ đông nhưng đều không thành.

Sau đó 39 cổ đông khởi kiện bà Mai Thị Khánh ra Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội. Theo Bản án sơ thẩm và phúc thẩm thì Tòa tuyên toàn bộ 47 hợp đồng chuyển nhượng chưa được coi là hợp pháp và Công ty cổ phần Hữu Nghị phải có trách nhiệm triệu tập đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Cũng trong thời gian này, một vụ việc nghiêm trọng đã bị Cơ quan Công an phát hiện: bà Khánh đã ký hợp đồng cho Chan Yiu Bosco (quốc tịch Anh) thuê 5 phòng ngủ tại Khách sạn Hữu Nghị số 23 Quán Thánh. Bà Khánh còn cho vị khách người Anh này sử dụng buồng kho trên sân thượng và Bosco đã thông qua bà Khánh ký hợp đồng lắp đặt 24 máy điện thoại cố

định. Từ đây, Bosco đã lắp đặt thiết bị viễn thông, đầu nối trạm VSAT do Bosco tự thiết lập với mạng cố định ở Việt Nam, biến cuộc gọi từ nước ngoài về Việt Nam thành cuộc gọi nội hạt để hưởng chênh lệch giá. Vì thế mà Việt Nam đã bị thất thoát số tiền cước điện thoại lên tới 15 tỷ đồng. Bà Khánh đã bị Cơ quan điều tra khởi tố và bị Viện Kiểm sát truy tố về tội trộm cắp

Thực hiện quy định tại bản án phúc thẩm của Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao ngày 24/10/2002, Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông và bầu ra hội đồng quản trị mới theo đúng quy định của pháp luật. Trong đại hội lần này, bà Khánh đã không được tín nhiệm và không được giới thiệu ứng cử hội đồng quản trị mới. Hội đồng quản trị mới gồm có 05 người do bà Nguyễn Thị Bích Lan làm Chủ tịch hội đồng quản trị, ông Nguyễn Huy Chiêu làm giám đốc Công ty. Các cơ quan có thẩm quyền như Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã công nhận tính hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông này và hội đồng quản trị mới. Theo đúng quy định của pháp luật ngày 30.1.2004 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 554/QĐ-UB về việc thu hồi con dấu của Công ty cổ phần Hữu Nghị do bà Mai Thị Khánh và hội đồng quản trị cũ đang quản lý để bàn giao cho ban lãnh đạo mới.

Nhưng 05 năm trôi qua, hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hữu Nghị do bà Nguyễn Thị Bích Lan là Chủ tịch hội đồng quản trị không tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên, không công khai tài chính, không chia cổ tức cho cổ đông và vi phạm Luật Doanh nghiệp 2005 và ảnh hưởng lớn đến quyền lợi cổ đông.

Năm 2007, các nguyên đơn gồm có ông Nguyễn Hữu Ty, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Mai Thị Khánh có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Huy Chiêu và bà Nguyễn Thị Bích Lan về việc đề nghị:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích Lan và ông Nguyễn Huy Chiêu phải tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết các vấn đề nội bộ trong Công ty;
- Buộc bà Nguyễn Thị Bích Lan và ông Nguyễn Huy Chiêu phải cung cấp báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Hữu Nghị từ năm 2002 đến 2007.

Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 74/2007/TLST-KDTM ngày 09.05.2007 về việc Tranh chấp các thành viên Công ty với nhau theo đơn khởi kiện của các cổ đông nêu trên.

Quá trình Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết tranh chấp thành viên Công ty với nhau này giữa các bên liên quan thì đã phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án và cần chờ kết quả giải quyết của một số vụ án như các cổ đông có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông với nhau vào năm 1999 và năm 2000, vụ kiện hành chính liên quan đến các cổ đông Công ty kiện Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội về việc đề nghị huỷ giấy đăng ký kinh doanh.

Sau khi lý do tạm đình chỉ đã hết thì Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiếp tục đưa vụ án ra giải quyết.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 60/2015/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 2 Điều 245, khoản 2 Điều 252 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2011

1. Đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 74/2007/TLST-KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2007 về việc tranh chấp giữa các thành viên Công ty với nhau giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Ty

Trú tại: số 5 phố Vọng Đức, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Thanh

Trú tại: số 18 Ngách 9/14 phố Lương Đình Cửa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bà Mai Thị Khánh

Trú tại: số 187A Nguyễn An Ninh, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy Chiề

Trú tại: số 99 phố Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Bích Lan

Trú tại: số 9 phố Đội Cung, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Hữu Nghị

Trụ sở: số 23 phố Quán Thánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thiện Tiệp, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

2. Sung công quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Hữu Ty, bà Mai Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Thanh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006781, số 006780, số 006782 ngày 19.04.2007 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định.

**Một số bình luận về vụ án:**

Một là, về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án:

Căn cứ Điều 29, khoản 3 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung 2011, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Hai là, tính hợp pháp của nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hữu Nghị ngày 24/10/2002: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hữu Nghị đã được triệu tập hợp pháp theo 02 bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối cao có hiệu lực pháp luật và đã được Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Ba là, tính hợp pháp của các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần: Công ty cổ phần Hữu Nghị hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở chuyển đổi từ



Công ty Du lịch Hà Nội theo quyết định cổ phần hoá số 2141/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội vào tháng 5/1999. Công ty cổ phần Hữu Nghị được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/6/1999. Các hợp đồng chuyển nhượng giữa các cổ đông sáng lập đều thực hiện vào năm 1999 và 2000 đều nằm trong thời hạn cấm chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 1999. Do vậy việc chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông này là vô hiệu.

Bốn là, tính hợp pháp của quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội: ông Nguyễn Hữu Ty, bà Mai Thị Khánh, bà Nguyễn Thị Thanh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, đối với vụ án này ngoài việc các cổ đông khởi kiện đối với người quản lý Công ty (thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài) thì giữa các bên liên quan còn có các vụ kiện khác liên quan như: Vụ án hành chính giữa các bên liên quan về việc huỷ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sau khi ra Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc bầu lại chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty và các chức danh quản lý Công ty; vụ án kinh doanh thương mại về việc tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông; vụ án huỷ Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Hữu Nghị về việc bầu ông Vũ Thiện Tiệp, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị...Hiện nay liên quan đến vụ việc của Công ty cổ phần Hữu Nghị thì Thủ tướng chính phủ giao Bộ Công an trực tiếp kiểm tra, kết luận việc Công an Thành phố Hà Nội khởi tố vụ án “Chiếm đoạt con dấu” và các nội dung tố cáo khác của một số cổ đông Công ty cổ phần Hữu Nghị đã kéo dài hơn 13 năm.

### ***Nhận xét và kết luận***

*- Về tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty*

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp chủ yếu bắt nguồn từ mô hình thành lập,

mối quan hệ giữa các thành viên lãnh đạo và các thỏa thuận ban đầu còn thiếu chặt chẽ nên làm nảy sinh tranh chấp. Lúc đầu, họ chỉ dựa vào tình cảm thân quen để lập doanh nghiệp, bỏ qua các thủ tục pháp lý cần thiết. Điều lệ hoạt động của các doanh nghiệp này rất sơ sài, đủ để qua được yêu cầu về thủ tục hành chính, thậm chí có trường hợp còn ký hộ cho nhau, thỏa thuận bằng lời nói không có văn bản. Khi doanh nghiệp phát triển, không ít người tìm cách thu lợi từ doanh nghiệp càng nhiều càng tốt, thậm chí tìm cách loại bỏ lẫn nhau.

Như đã phân tích, khi có mâu thuẫn, các bên không hoặc có rất ít thiện chí giải quyết trên tinh thần tôn trọng và hài hòa lợi ích mỗi cá nhân với lợi ích chung của doanh nghiệp. Các bên liên quan hoặc không hiểu hoặc cố ý hiểu, giải thích và áp dụng luật theo cách của riêng mình vì lợi ích của mình

Các bên tranh chấp thường không thương lượng, hòa giải, không sử dụng trọng tài, chỉ ra tòa và khiếu nại hành chính (theo đến hết cấp), thậm chí truy tố hình sự lẫn nhau. Nhiều khi sự can thiệp hành chính, hình sự làm cho mâu thuẫn gay gắt và mở rộng thêm. Các bên hoặc một số bên tranh chấp không quan tâm đến lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp, mà vì lợi ích cá nhân và nhóm liên quan đến cá nhân mình một cách thái quá, hệ quả là đình trệ sản xuất, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng. Các bên đều cố ý can thiệp, ngăn cản hoạt động bình thường của doanh nghiệp dưới các hình thức khác nhau, gây thiệt hại thêm cho chính họ và các bên liên quan.

#### *- Về phương thức giải quyết tranh chấp*

Hiện nay, có rất nhiều phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ công ty, tuy nhiên có ba phương thức thường hay được sử dụng đó là thương lượng, hòa giải, tố tụng trọng tài và tố tụng tại tòa án. Mỗi phương thức đều tồn tại những ưu và nhược điểm riêng, thương lượng và hòa giải thường sử dụng cho lúc mới bắt đầu xảy ra tranh chấp, còn trọng tài và tòa án được sử dụng khi các bên không còn cách giải quyết nào khác.

Phương thức giải quyết bằng tòa án được các bên lựa chọn nhiều dẫn đến ngành tòa án thường xuyên quá tải. Bởi lẽ, do là cơ quan xét xử của Nhà nước nên

phán quyết của tòa án có tính cưỡng chế cao, do đó khi đã đưa ra tòa án thì quyền lợi của người thắng kiện sẽ được đảm bảo được thi hành. Nhằm tạo sự cân bằng giữa các phương thức giải quyết tranh, pháp luật Việt Nam cần có những quy định mới, tạo cơ chế thuận lợi hơn để áp dụng những phương thức còn lại, từ đó ngành tòa án không còn trong tình trạng quá tải và các bên tranh chấp có quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp đem lại hiệu quả nhất. Trọng tài thương mại cần cải tiến hơn nữa về hoạt động, tạo hình ảnh đại chúng hơn nữa để trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp được tin tưởng và yêu thích của giới kinh doanh.

## **Kết luận chương 2**

Chương 2 luận văn tác giả đã nghiên cứu thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trên cơ sở đánh giá quy định pháp luật hiện hành áp dụng để giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty cũng như phân tích thực trạng điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động giải quyết tranh chấp thông qua các bản án trên thực tế; từ đó chỉ ra nguyên nhân, vướng mắc trong hoạt động giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty bằng Tòa án. Từ việc nghiên cứu có hệ thống các vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty và những vấn đề về thực tiễn áp dụng, xác định nguyên nhân của những hạn chế bất cập sẽ đi đến việc đưa ra những định hướng và giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật và bảo đảm việc thực hiện các quy định của pháp luật ở chương 3.

### Chương 3

## PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CỔ ĐÔNG VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY TẠI TOÀ ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Toà án nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Tranh chấp nội bộ công ty nói chung và tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng trong CTCP là một tất yếu không thể tránh khỏi, đồng thời những tranh chấp đó là động lực để doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển. Đối với tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty trong CTCP khi diễn ra thường rất phức tạp, nó là hệ lụy của cả quá trình tranh chấp giữa hai bên và ra đến Toà án là đỉnh điểm của quá trình tranh chấp.

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, thì sự tương thích, đồng bộ các quy định của pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển, đòi hỏi pháp luật Việt Nam cũng phải có điều chỉnh cho phù hợp.

***Thứ nhất, cần khắc phục những điểm hạn chế của pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công bằng, trách nhiệm, hợp lý, tăng hiệu quả thi hành pháp luật.***

Để phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước thực hiện chức năng quản lý của mình đối với hệ thống các doanh nghiệp trên các mặt như: định hướng phát triển, xây dựng hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách quản lý trong nội bộ công ty, hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán, đội ngũ cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát, bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông thiểu số... Luật Doanh nghiệp năm 2014 nói chung, các quy định pháp lý (của Luật) điều chỉnh hoạt động quản lý và điều hành công ty cổ phần nói riêng đã góp phần tạo ra sự chuyên đổi và nâng cao hiệu quả quản lý loại hình doanh nghiệp đang không ngừng phát triển này trong thực tiễn. Tuy nhiên, các kết quả phân tích và đánh giá trong chương II đã chỉ ra rằng: cùng với sự phát triển một cách sinh động và năng động của các công ty cổ phần đã khiến cho một số quy định pháp lý về quản lý và điều hành loại công ty này còn có một số điểm bất cập, cần được hoàn

thiện nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các quy định và toàn bộ văn bản pháp lý quan trọng này. Đặc biệt quy định của pháp luật liên quan đến cổ đông và người quản lý công ty. Nội dung và quá trình hoàn thiện các quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động quản lý và điều hành công ty cổ phần ở nước ta trong thời gian tới cần được hoàn thiện theo những định hướng chính sau đây:

**Một là**, Luật doanh nghiệp là một văn bản pháp lý bao trùm đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp. Do đó, sau khi văn bản luật này được Quốc hội thông qua, Chính phủ cần ban hành các nghị định hướng dẫn tiêu chí tổ chức quản lý, hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp, trong đó bao gồm cả các công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

**Hai là**, Việt Nam đang từng bước hội nhập sâu và rộng với các nước trong khu vực và trên thế giới, vì vậy hệ thống luật pháp Việt Nam nói chung, Luật doanh nghiệp 2014 riêng cần có sự nghiên cứu, tham khảo và kế thừa những quy định pháp lý tiên bộ, tích cực của hệ thống luật pháp các nước phát triển, tiêu biểu như Anh, Mỹ, Pháp, Nhật Bản...

**Ba là**, các quy định pháp lý điều chỉnh một loại hình doanh nghiệp là tập hợp hệ thống các văn bản pháp lý từ các Bộ luật được Quốc hội thông qua đến các văn bản dưới luật do Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan ban hành và cuối cùng là các quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần do Ban điều hành xây dựng và được Đại hội cổ đông thông qua. Vì vậy, tùy theo tính đại diện và phổ biến của các hiện tượng kinh tế phát sinh trong thực tiễn trong quá trình vận hành hoạt động loại hình doanh nghiệp này để có hướng đề xuất hoàn thiện các quy định pháp lý ở cấp độ phù hợp.

**Bốn là**, để các quy định pháp lý về quản lý và điều hành công ty cổ phần có hiệu lực và hiệu quả thực thi cao trong thực tiễn, những người soạn thảo và xây dựng các quy định pháp lý này cần tham khảo và tiếp thu ý kiến từ nhiều đối tượng khác nhau, đại diện cho những quyền và lợi ích hợp pháp khác nhau của các nhóm đối tượng như các cổ đông, các nhà quản lý, đại diện người lao động trong công ty, các nhà tư vấn pháp luật, các hiệp hội, các nhà nghiên cứu...

**Năm là**, hoàn thiện các quy định pháp lý về quản lý và điều hành công ty cổ phần không chỉ dựa trên cơ sở luật gốc là Luật doanh nghiệp mà cần có sự tham chiếu các bộ luật có liên quan khác của Việt Nam như Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự, Luật đầu tư, Luật lao động, Luật Thương mại... và các quy định của các định chế pháp lý quốc tế như: Tổ chức thương mại thế giới, Tổ chức lao động thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế...

Đảng và Nhà nước đã và đang tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp phát triển không hạn chế về quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm, đồng thời hoàn thiện hệ thống quản lý để doanh nghiệp có thể vận hành một cách tốt nhất, tránh được các tranh chấp nội bộ trong công ty.

**Thứ hai, hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty, tăng hiệu quả giải quyết tranh chấp bằng Tòa án.**

**Một là**, hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án phải tạo được cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, hiệu quả, tôn trọng tối đa quyền định đoạt của các bên tranh chấp;

**Hai là**, cần hoàn chỉnh hệ thống văn bản, quy có phạm pháp luật như: bổ sung sự phù hợp với các đạo luật khác, tránh sự chồng chéo giữa các văn bản pháp luật; bổ sung quy định về xét xử theo thủ tục rút gọn trong pháp luật tố tụng dân sự nhằm tạo hành lang pháp lý về mặt tố tụng cho việc thực thi luật; cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, điều kiện, quy định, cách thức tiến hành việc khởi kiện...

**Ba là**, nghiên cứu pháp luật và thông lệ quốc tế về giải quyết tranh chấp để tiếp thu những ưu điểm hợp lý, phổ biến một cách chọn lọc để xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty.

Kết hợp với tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp nói chung. Song song với việc bổ sung luật, cần thiết phải có những hoạt động cụ thể trong nguyên tắc thực hiện pháp luật doanh nghiệp, nâng cao nhận thức của chính cổ đông và người quản lý công ty trong hoạt động quản lý điều hành công ty cổ phần.

## **3.2 Giải pháp hoàn thiện về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay**

### ***3.2.1. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông và người quản lý công ty***

*Thứ nhất*, về cách tiếp cận và cơ cấu các điều luật quy định về người có liên quan và giao dịch giữa công ty với người có liên quan trong từng loại hình doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014. Theo quy định của phần giải thích từ ngữ thì “người có liên quan” được hiểu là “người có liên quan” với công ty nhưng ở những quy định riêng trong các loại hình doanh nghiệp thì “người có liên quan” lại hiểu là “người có liên quan” với cá nhân có quan hệ trực tiếp với doanh nghiệp. Như vậy, cần phải quy định lại để thống nhất cách hiểu theo hướng “người có liên quan” trong quan hệ với công ty. Phần giải thích từ ngữ về “người có liên quan” nên quy định theo phương pháp liệt kê bao gồm nhưng không giới hạn các đối tượng được quy định và những trường hợp khác được coi là người có liên quan do Điều lệ công ty quy định. Tùy theo sự thỏa thuận của các thành viên, cổ đông trong doanh nghiệp mà những đối tượng được coi là có liên quan có thể được đưa vào để khi giao dịch giữa công ty với những đối tượng này sẽ được doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ.

Những quy định cụ thể về giao dịch giữa công ty với người có liên quan cần được kiểm soát trong CTCP nên quy định trực tiếp luôn là giao dịch giữa công ty với người có liên quan đã được đưa vào phần giải thích từ ngữ và một số đối tượng đặc thù khác của từng doanh nghiệp (nếu có), không nên đi theo hướng liệt kê lại như Luật Doanh nghiệp năm 2014. Với cách quy định như hiện nay thì sẽ không có tính liên kết, tính thống nhất trong quy định về kiểm soát giao dịch giữa công ty với người có liên quan trong Luật Doanh nghiệp.

Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tiếp cận người có liên quan trong quan hệ với cá nhân. Quy định này không dễ hiểu và dễ vận dụng, ngoài ra lại không thống nhất với Luật Doanh nghiệp năm 2005. Do đó, nên sửa đổi người có liên quan theo hướng người có liên quan với doanh nghiệp để



thống nhất cách hiểu như Luật Doanh nghiệp.

**Thứ hai**, bổ sung thêm người quản lý công ty bao gồm: Kế toán trưởng, giám đốc tài chính là những người có thẩm quyền quản lý và giám sát hoạt động tài chính của công ty nên những người này rất dễ dàng trong việc thiết lập các giao dịch có nguy cơ tư lợi, như nhận hoa hồng của công ty khác để công ty này xác lập giao dịch với công ty, chuyển các hợp đồng, giao dịch có nhiều lợi ích (trong đó có phần của người quản lý) cho người liên quan của họ. Giám đốc chi nhánh, giám đốc dự án cũng có thể xác lập giao dịch có nguy cơ tư lợi, vì đây là những người thường được ủy quyền để nhân danh công ty xác lập các hợp đồng, giao dịch.

**Thứ ba**, bổ sung quy định thế nào là cơ hội kinh doanh. Cơ hội kinh doanh là những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để nhà kinh doanh (doanh nghiệp) thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận). Cụ thể như: một lời đề nghị hợp tác từ đối tác, thông tin về thị trường, hoặc thông tin về các khách hàng tiềm năng cũng đều là các cơ hội kinh doanh.

**Thứ tư**: bổ sung quy định nhằm tăng tính minh bạch. Luật Doanh nghiệp đã có bước tiến khi có quy định yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc thành viên HĐQT phải công khai hóa lợi ích của mình trong những công ty mà họ nắm cổ phần chi phối. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản được việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc thành viên HĐQT lợi dụng quyền hạn để giao kết các hợp đồng với công ty liên quan và hưởng lợi trên phần trăm giá trị hợp đồng (ngay cả khi họ không nắm cổ phần chi phối ở công ty đó). Có thể cân nhắc bổ sung quy định: "thù lao công việc và tiền thưởng không gắn với những giao dịch mà ở đó công ty phải thanh toán". Ngoài ra, đối với các giao dịch cần có sự chấp thuận của HĐQT và ĐHĐCĐ thì nên có quy định có thể tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu gây hại cho công ty hoặc một bộ phận cổ đông.

**Thứ năm**, quy định chế tài cụ thể trong trường hợp người quản lý công ty vi phạm quyền và trách nhiệm gây thiệt hại. Mặc dù Luật Doanh nghiệp đã ghi nhận việc trả thù lao cùng như các nghĩa vụ và cơ chế kỷ luật dành cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; thành viên HĐQT; thành viên Ban kiểm soát nhưng còn hết sức

chung chung và chưa có biện pháp xử lý cụ thể khi các nghĩa vụ này không được thực hiện. Nói chung, Luật Doanh nghiệp hầu như vắng bóng các quy định nhằm kiềm chế hành vi lạm dụng quyền lực của những người quản lý trong CTCP.

**Thứ sáu,** bổ sung thêm quyền quy định về quyền của cổ đông. Theo đó, cổ đông có quyền yêu cầu công ty, người đại diện theo pháp luật, người quản lý công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký, thay đổi quyền sở hữu cổ phần hợp pháp của cổ đông. Trong trường hợp công ty, người đại diện theo pháp luật, người quản lý công ty không thực hiện thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**Thứ bảy,** về quyền sở hữu trong công ty cổ phần

Trong CTCP, cổ đông là các chủ sở hữu của công ty, về nguyên tắc, chủ sở hữu được quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình. Trong trường hợp góp vốn thành lập CTCP thì cổ đông đã chuyển một phần quyền sở hữu cho người quản lý công ty, cổ đông chỉ tham gia quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Thực tế pháp luật hiện hành quy định thì một số chức danh là người quản lý công ty như tổng giám đốc, giám đốc công ty...có thể đi thuê và thực tế những người này không nắm giữ cổ phần của công ty. Do đó để bảo vệ quyền của cổ đông phải xây dựng cơ chế phòng ngừa khi phát hiện sai phạm và cơ chế giải quyết tranh chấp khi giám đốc, tổng giám đốc, hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty.

**Thứ tám,** hoàn thiện cơ chế về bảo vệ cổ đông

Thực tế cho thấy, các vụ việc liên quan đến xâm phạm quyền và lợi ích của nhà đầu tư, cổ đông ở nước ta đang diễn ra phổ biến, đáng báo động. Cần hoàn thiện cơ chế bảo vệ những cổ đông này, nhất là cổ đông thiểu số là nhiệm vụ cấp bách của Luật Doanh nghiệp.

Quy tắc bầu dòn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014 với mục đích là bảo đảm cổ đông thiểu số cũng có thể có cử người của mình tham gia HĐQT nhằm làm cho điều hành doanh nghiệp được minh bạch là chưa hiệu quả. Lúc này, cổ đông hay nhóm cổ đông thiểu số phải dồn tất cả phiếu bầu

quyết của mình mới cử được một người vào làm thành viên HĐQT nhưng ngay lập tức có thể bị nhóm cổ đông lớn bãi miễn, kể cả khi nhóm cổ đông thiểu số phản đối việc bãi miễn này. Cần sửa đổi theo hướng bảo vệ cổ đông thiểu số, việc bãi miễn thành viên HĐQT phải có cơ sở, điều kiện và lý do rõ ràng chứ không cho phép thành viên HĐQT có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ được để tránh tình trạng bãi miễn tùy tiện. Các quy định của pháp luật hiện hành còn chưa bảo vệ những cổ đông thiểu số, những cổ đông luôn chịu sự chèn ép của những người quản lý và những cổ đông lớn trong CTCP. Điều này sẽ gây cho các cổ đông thiểu số một sự thiệt thòi về mặt lợi ích, những cổ đông này phải phụ thuộc vào người quản lý công ty trong CTCP chứ hoàn toàn không quyết được vấn đề chính trong công ty mà mình đồng sở hữu. Đây là vấn đề cấp bách đặt ra trong quá trình tiếp tục hoàn thiện luật doanh nghiệp theo hướng nâng cao quyền của cổ đông, đảm bảo cổ đông thiểu số không bị lấn át trong tổ chức công ty cổ phần.

***Thứ chín***, luật hoá quy định về thành viên độc lập hội đồng quản trị

Thành viên độc lập HĐQT hiện nay đang là một xu thế tất yếu trong quản trị CTCP nói chung và người quản lý của CTCP nói riêng trên thế giới. Tuy nhiên ở Việt Nam, Luật doanh nghiệp năm 2014 mới chỉ đưa ra duy nhất một khoản trong Điều 151 về tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập hội đồng quản trị. Các quy định của pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về đối tượng này trong bộ máy CTCP nói chung và người quản lý trong CTCP nói riêng.

Ngoài ra, cần hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch hoá thông tin trong quản trị CTCP nói chung và người quản lý trong CTCP nói riêng để tránh những hành vi gian lận, thao túng công ty và các hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích cổ đông.

Với những tồn tại và hạn chế trong các quy định của pháp luật Việt Nam về cổ đông cũng như người quản lý công ty trong Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành, vấn đề cấp bách đặt ra là cần tiếp tục hoàn thiện Luật Doanh nghiệp 2014 cùng các văn bản dưới luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ mười*, bổ sung quyền phát biểu sau cùng cho bị đơn. Việc bổ sung quyền phát biểu sau cùng thuộc về bị đơn là vì bị đơn là người bị nguyên đơn kiện, bị đơn là người bị cho là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Chính vì vậy, việc đánh giá tài liệu, chứng cứ và các quan điểm, đề nghị của bị đơn về việc giải quyết vụ án bao giờ cũng trên cơ sở yêu cầu, lập luận của nguyên đơn, do đó bị đơn phải là người phát biểu sau cùng mới đảm bảo cho họ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình là có căn cứ và hợp pháp. Quy định trên đồng thời phù hợp với trình tự phát biểu khi tranh luận quy định tại Điều 260 BLTTDS 2015. Việc bổ sung nội dung trên nhằm tránh trường hợp chủ tọa phiên tòa kết thúc phần tranh luận ngay sau khi nguyên đơn phát biểu xong.

Theo quy định của Bộ luật hiện hành, việc tranh luận không hạn chế về thời gian nên việc tranh luận có thể kéo dài sang những ngày tiếp theo.

### ***3.2.2 Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng và thi hành pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án***

*Một là*, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xét xử cho Thẩm phán và đội ngũ thư ký, thẩm tra viên của Tòa án

Chất lượng, hiệu quả công việc phụ thuộc rất lớn vào năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi cán bộ, Thẩm phán ngành Tòa án nhân dân. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật thì bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho họ là nhiệm vụ hàng đầu. Bởi vì, người Thẩm phán dù ban đầu có hiểu biết rộng, am hiểu thì vẫn cứ phải thường xuyên cập nhật các thông tin kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là trong lĩnh vực pháp luật. Có như vậy, họ mới đủ tầm để giải quyết công việc được giao. Trong điều kiện giao lưu quốc tế mở rộng hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập chắc chắn sẽ phát sinh nhiều loại tranh chấp mới, công việc xét xử ngày càng tăng, tính chất vụ việc ngày càng phức tạp thì trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán ngày càng nặng nề. Vì vậy, nếu Thẩm phán không thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực trình độ, không chú trọng rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức thì sẽ không thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc giải

quyết các tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty luôn sinh động và đa dạng, phong phú, mỗi vụ án là một quan hệ pháp luật, một kiểu tranh chấp với các văn bản quy phạm pháp luật được chọn để áp dụng khác nhau. Ẩn chứa trong từng hồ sơ vụ án là thân phận của những con người đang chờ sự phán xét công minh, có tình, có lý của Thẩm phán.

Thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ Tòa án hiện nay còn thiếu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ công chức còn yếu, thậm chí có những cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp nên đã có vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật hình sự, gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của ngành Tòa án nhân dân. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp như chế độ tiền lương và phụ cấp của Thẩm phán; các chế độ ưu đãi khi thi hành công vụ, chế độ bổ nhiệm thi tuyển và độ tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán. Nhà nước cần nhìn nhận Thẩm phán là một nghề chứ không phải chỉ đơn thuần là một chức danh được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và từ đó xây dựng chế độ bổ nhiệm không theo nhiệm kỳ như hiện đang làm. Mặt khác Nhà nước phải bảo đảm đời sống vật chất đầy đủ cho đội ngũ Thẩm phán để tăng cường khả năng tự vệ của họ trước cám dỗ vật chất.

Cùng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về các chế độ, chính sách như đã nêu trên cho nghề nghiệp mang tính đặc thù này thì sự phấn đấu, rèn luyện vươn lên của mỗi Thẩm phán mới là nhân tố cơ bản để quyết định kỹ năng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử nói chung và trong giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty nói riêng. Để thực hiện việc nâng cao năng lực trình độ chuyên môn cho cán bộ, Thẩm phán, ngành Tòa án nhân dân trước mắt cần tiếp tục kiện toàn tổ chức, cán bộ nhất là các cán bộ có chức danh tư pháp. Làm tốt công tác rà soát, quy hoạch, đánh giá cán bộ để có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và sử dụng cán bộ một cách hợp lý, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt công tác luân chuyển điều động, biệt phái cán bộ theo yêu cầu công việc, làm tốt công tác tạo nguồn Thẩm

phán. Ngoài ra, Tòa án nhân dân cần tiếp tục quan tâm bố trí nhân sự để kiện toàn củng cố tổ chức bộ máy, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thông tin văn bản pháp luật để các Thẩm phán nắm bắt và vận dụng vào công tác xét xử.

Đối với đội ngũ Thẩm tra viên, thư ký Tòa án là người trực tiếp giúp Thẩm phán trong công tác xét xử của Tòa án và là nguồn để đào tạo, bổ nhiệm Thẩm phán. Trình độ của đội ngũ Thẩm tra viên và thư ký hiện nay ở các tỉnh và địa phương là không đồng đều. Do đó, Tòa án cần xây dựng quá trình đào tạo đối với Thẩm tra viên, thư ký Tòa án để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Bên cạnh đó cần xây dựng đội ngũ Thẩm phán, thẩm tra viên, thư ký chuyên biệt về giải quyết các vụ án kinh tế.

**Hai là**, ban hành các nghị quyết hướng dẫn thi hành pháp luật

Nhà nước cần quan tâm đến công tác giải thích chính thức pháp luật để tạo ra cách hiểu chính xác và thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Với một hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ, được hướng dẫn thi hành một cách thống nhất, kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội thì việc áp dụng pháp luật nói chung, áp dụng pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty tại Tòa án nhân dân nói riêng sẽ được thực hiện tốt, chất lượng giải quyết tranh chấp tranh chấp nội bộ công ty được nâng cao. Đặc biệt ngành Tòa án nhân dân cần thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ xây dựng pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật.

Đặc biệt trong những năm gần đây, khi hệ thống pháp luật của Nhà nước ta có nhiều sửa đổi, bổ sung, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều thông tư, nghị quyết hướng dẫn kịp thời góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao còn ban hành hàng nghìn văn bản trao đổi nghiệp vụ để giúp các Tòa án địa phương áp dụng đúng và thống nhất pháp luật trong từng lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực dân sự. Cùng với việc đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật ngành Tòa án nhân dân còn rất quan tâm tới công tác tập huấn các văn bản pháp luật mới trong toàn ngành, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ,

Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Thực tế áp dụng pháp luật cho thấy các quy phạm pháp luật được xây dựng trên cơ sở khái quát các hành vi của các chủ thể trong xã hội.

Thực tế cho thấy dù Hiến pháp, Luật có ghi nhận hay không thì trong lịch sử tư pháp của Việt Nam, Tòa án luôn có vai trò lớn trong việc giải thích pháp luật qua các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán và các công văn hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Tại Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì có thể áp dụng tập quán; nếu không có tập quán thì áp dụng quy định tương tự của pháp luật không được trái với những nguyên tắc quy định trong Bộ luật này. Do vậy, dẫn đến việc chính thức thừa nhận tập quán pháp và tiền lệ pháp như là một nguồn luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thừa nhận tập quán pháp và tiền lệ pháp dẫn đến thừa nhận quyền giải thích luật của Tòa án. Luật ban hành văn bản pháp luật đã chính thức thừa nhận Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là văn bản quy phạm pháp luật.

Từ thực tiễn giải quyết tranh chấp, cần có văn bản tổng hợp những điểm được và chưa được, những điểm vướng mắc để hướng dẫn cho các Tòa án các cấp. Như các vướng mắc liên quan đến cách thức tuyên đối với tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Cần có sự hướng dẫn nhất quán, để bản án quyết định của Tòa án có đủ cơ sở giúp các bên trong tranh chấp giải quyết được triệt để vấn đề.

**Ba là**, tuyên truyền và phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp nói chung. Song song với việc bổ sung luật, cần thiết phải có những hoạt động cụ thể trong nguyên tắc thực hiện pháp luật doanh nghiệp, cụ thể:

(i) Cần thiết phải chấn chỉnh, nâng cao vai trò của điều lệ công ty ngay tại thời điểm đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký thay đổi điều lệ đồng loạt ở pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư nước ngoài. Điều lệ công ty về bản chất là hợp đồng thành lập công ty, có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của công ty khi được thành lập, nó phân định rõ ràng quyền, nghĩa vụ, cơ chế hoạt động của công ty trong suốt quá trình hoạt động. Trên thực tế, điều lệ công ty vẫn chưa thực sự được các

doanh nghiệp coi trọng, doanh nghiệp vẫn còn tồn tại quan điểm Điều lệ như một thủ tục phải được đáp ứng để thành lập doanh nghiệp, trên thực tế còn có hiện tượng dùng điều lệ mẫu hoặc nhờ, thuê người khác biên soạn mà không căn cứ vào nhu cầu thực tế của hoạt động công ty của những người sáng lập. Đây là một trong những nguyên nhân gây tranh chấp khá nhiều trong tranh chấp nội bộ công ty.

(ii) Nâng cao nhận thức và kiến thức về doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp cho những cổ đông, người quản lý công ty. Khi các cổ đông trong công ty tuân thủ pháp luật với ý thức cao thì tranh chấp nội bộ công ty sẽ được giảm thiểu, hoặc nếu có cũng sẽ được giải quyết bằng các phương thức mềm dẻo hơn, nguy cơ tranh chấp gay gắt cũng sẽ được hạn chế.

(iii) Tăng cường tổ chức đối thoại, trao đổi kinh nghiệm giữa Tòa án và các đơn vị chuyên môn nghiên cứu luật doanh nghiệp như Viện nghiên cứu phát triển kinh tế Trung ương (cơ quan chủ trì soạn thảo Luật doanh nghiệp 2014)...giúp cho Thẩm phán, thẩm tra viên, thư ký hiểu sâu các quy định của Luật doanh nghiệp trong hoạt động của doanh nghiệp.



### **Kết luận Chương 3**

Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty là hiện tượng tất yếu gắn liền với đặc trưng về cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động của mô hình công ty này. Tuy nhiên, việc hạn chế và giải quyết ngay một hiệu quả những tranh chấp này hoàn toàn có thể thực hiện được thông qua nhiều biện pháp khác nhau và phải kết hợp những biện pháp này một cách hợp lý nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Các cổ đông trong CTCP cần thực hiện quy định của pháp luật một cách chặt chẽ, nghiêm túc và thận trọng. Khi phân bổ cơ cấu sở hữu và góp vốn thành lập doanh nghiệp cần sự cân nhắc kỹ càng. Khi có tranh chấp phát sinh, các bên cần thiện chí và nỗ lực giải quyết vì lợi ích chung là sự ổn định và phát triển của doanh nghiệp. Các bên trong tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty cũng nên tìm kiếm tư vấn và ưu tiên thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp trước khi khiếu kiện đến tòa án.

Bên cạnh các giải pháp nêu trên là việc nâng cao nhận thức, hiểu biết và tăng cường vai trò của quản trị doanh nghiệp. Các cổ đông phải thay đổi nhận thức từ trước đến nay là: cổ đông lớn phải giữ các vị trí then chốt. Công tác quản lý doanh nghiệp cần phải khoa học và chuyên nghiệp hơn nữa. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nên là người độc lập với quyền lợi của các cổ đông và là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp chứ không nhất thiết là người góp nhiều vốn nhất.

## KẾT LUẬN

Thực tiễn quá trình nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty và dựa trên kết quả khảo sát khi áp dụng cũng như khi giải quyết thì thấy rằng Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tháo gỡ nhiều vướng mắc so với quá trình áp dụng Luật Doanh nghiệp năm 2005. Tuy nhiên pháp luật doanh nghiệp vẫn còn những hạn chế, chưa chặt chẽ và rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau hoặc chưa đảm bảo quyền lợi của cổ đông đặc biệt là cổ đông nhỏ lẻ làm phát sinh tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty. Bên cạnh đó, tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty còn xuất phát từ sự thiếu hiểu biết quy định của pháp luật của các cổ đông và của cả những người quản lý công ty, từ thói quen cảm tính, theo tình cảm, theo lý chí hoặc vì lợi ích cá nhân dẫn đến không tuân thủ đầy đủ hoặc không cụ thể hóa các quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Khi quyền lợi bị xâm phạm, không hiếm trường hợp các bên thiếu thiện chí và thiếu chuyên nghiệp trong việc giải quyết, hành xử chưa đúng mực dẫn đến mức độ tranh chấp thêm nghiêm trọng.

Từ nghiên cứu các quy định của pháp luật kết hợp với thực tiễn, nguyên nhân tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty, luận văn đã đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật liên quan để một phần đảm bảo quyền lợi của các cổ đông (đặc biệt là cổ đông nhỏ lẻ), nhằm hạn chế và kiểm soát tình trạng lạm quyền của người quản lý công ty và biện pháp để cổ đông có thể thực thi quyền của mình. Ngoài ra để các quy định của pháp luật doanh nghiệp được thực hiện đúng, đầy đủ, phát huy hiệu quả và có hiệu lực pháp lý, luận văn đưa ra kiến nghị về nâng cao vai trò của điều lệ công ty, nâng cao nhận thức pháp luật của cổ đông và người quản lý công ty.

Tranh chấp giữa cổ đông với người quản lý công ty ngày càng tăng, đa dạng và phức tạp và quy định của pháp luật doanh nghiệp vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện và thực tiễn áp dụng pháp luật còn nhiều vướng mắc. Những kết quả nghiên cứu có ý nghĩa nhất định về mặt khoa học cũng như giá trị ứng dụng đối với những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, xây dựng pháp luật và các công ty, cổ đông và những người làm công tác áp dụng pháp luật.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### **Văn bản pháp luật**

1. Hiến pháp 2013.
2. Bộ luật Dân sự 2005.
3. Bộ luật Dân sự 2015.
4. Luật Doanh nghiệp 2005.
5. Luật Doanh nghiệp 2014.
6. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004.
7. Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011.
8. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

### **Sách, bài viết, tạp chí**

9. Nguyễn Ngọc Bích (2003), *“Luật Doanh nghiệp, vốn và quản lý trong công ty cổ phần”*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
10. Trần Duy Bình (2008), *“Giải quyết tranh chấp giữa các cổ đông và giữa cổ đông với người quản lý công ty trong công ty cổ phần”*, luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Bích và Nguyễn Đình Cung (2009), *“Công ty vốn, quản lý và tranh chấp theo Luật Doanh nghiệp 2005”*, NXB Tri thức, Hà Nội.
12. Ngô Huy Cương (2012), *Pháp luật giải quyết tranh chấp nội bộ công ty: nhận thức, thực trạng và cải cách*, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, Viện Nhà nước và Pháp luật, (11/2012).
13. Nguyễn Thị Lan Hương (2013), *Những vấn đề pháp lý về Tài chính doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Vân Anh (2016), *“Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát giao dịch giữa công ty với người có liên quan”*, luận án Tiến sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Chương (2017), *“Thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa công ty với thành viên công ty tại Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội”*, luận văn thạc sĩ, trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

16. Goldberg, Sander & Rogers (1992), *Dispute Resolution: Negotiation, Mediation and Other Processes*, Nxb. Little Brown, Hoa Kỳ.

17. Phạm Minh (1997), “*Tìm hiểu Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ và quy chế Thương mại đa phương*”, Nxb. Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Phạm Duy Nghĩa (2005), *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

19. Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

20. Nguyễn Văn Thanh (2002), “*Những vấn đề pháp lý về góp vốn thành lập công ty TNHH theo luật doanh nghiệp*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

21. Trần Trí Trung (2015), “*Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các thành viên, giữa thành viên với công ty trong loại hình công ty đối vốn ở Việt Nam hiện nay*”, Bài viết, Tạp chí Nghề Luật số tháng 2/2015, Hà Nội.

22. Trường đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Thương mại tập 1 và 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

23. Nguyễn Mạnh Sỹ (2014), “*Pháp luật về tranh chấp nội bộ công ty ở Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa luật, Hà Nội.

#### **Báo cáo, thống kê, bản án**

24. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2011), Bản án số 138/2011/KDTM-ST ngày 30/08/2011, Hà Nội.

25. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2015), Bản án số 38/2015/KDTM-ST ngày 10/8/2015, Hà Nội.

26. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2017), *Số liệu thụ lý và giải quyết các loại vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến 2017*, Hà Nội.

27. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, *Báo cáo tổng kết công tác và phương hướng hoạt động các năm từ 2005 đến 2017*.

28. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Số liệu thụ lý và giải quyết các loại vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến 2017*, TP. Hồ Chí Minh.

29. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Báo cáo tổng kết công tác 2005 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2006*, Hà Nội.

30. Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao (2009), Báo cáo tham luận của Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao năm 2009, Hà Nội.

31. Tòa án nhân dân tối cao (2010), Báo cáo tổng kết công tác 2010 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2011, Hà Nội.

32. Tòa án nhân dân tối cao (2016), Báo cáo tổng kết công tác 2015 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016, Hà Nội.

33. Tòa án nhân dân tối cao (2017), Báo cáo tổng kết công tác 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017, Hà Nội.

### **Website**

34. Vũ Ánh Dương (09/01/2009), Phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, Thông tin pháp luật dân sự, tại địa chỉ:

<https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/01/09/2196/>, ngày truy cập 30/06/2018.

35. Phan Thông Anh (2009), “Tranh chấp trong kinh doanh thương mại và các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại”, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tại địa chỉ:

[http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/khac1?p\\_p\\_id=EXT\\_ARTICLEVIEW&p\\_p\\_lifecycle=0&p\\_p\\_state=normal&p\\_p\\_col\\_id=column-2&p\\_p\\_col\\_count=1&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_struts\\_action=%2Fext%2Farticleview%2Fview&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_groupId=10217&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_articleId=34155&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_version=1.0&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_i=2&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_curValue=1&\\_EXT\\_ARTICLEVIEW\\_redirect=%2Fweb%2Fguest%2Fkhac1](http://www.tand.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/khac1?p_p_id=EXT_ARTICLEVIEW&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_col_id=column-2&p_p_col_count=1&_EXT_ARTICLEVIEW_struts_action=%2Fext%2Farticleview%2Fview&_EXT_ARTICLEVIEW_groupId=10217&_EXT_ARTICLEVIEW_articleId=34155&_EXT_ARTICLEVIEW_version=1.0&_EXT_ARTICLEVIEW_i=2&_EXT_ARTICLEVIEW_curValue=1&_EXT_ARTICLEVIEW_redirect=%2Fweb%2Fguest%2Fkhac1) ngày truy cập 30/06/2018.

36. Lê Minh Toàn (24/08/2013), Góp vốn - rút vốn và những lỗi hổng pháp lý, Đầu tư chứng khoán, tại địa chỉ: <http://tinnhanhchungkhoan.vn/dau-tu/gop-von-rut-von-va-nhung-lo-hong-phap-ly-12948.html>, ngày truy cập 30/06/2018.

37. Từ Thảo (03/5/2010), Lịch sử hình thành và phát triển công ty cổ phần trên thế giới và ở Việt Nam, ULR:

<http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2010/05/03/4791/>, truy cập ngày 6/6/2018.

38. Công ty Cổ phần Hữu Nghị - Tranh chấp giữa cổ đông và lãnh đạo công ty  
(<http://vietnamese-law-consultancy.com/vietnamese/content/browse.php?action=shownews&category=&id=37&topicid=592>).

39.<http://dantri.com.vn/xa-hoi/bo-cong-an-truc-tiep-kiem-tra-vu-an-chiem-doat-con-dau-13-nam-truoc-20180807105726539.htm>